



Số: 16./CPNT2-TB-HĐQT

Nhon Trạch, ngày 03 tháng 04 năm 2013

THƯ MỜI HỌP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2014

Kính gửi: Quý Cổ đông
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (PVPower NT2) trân trọng kính mời Quý Cổ đông đến tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2014 với các nội dung như sau:

1. **Thời gian:** 07g30 thứ Sáu, ngày 18 tháng 04 năm 2014 (*Nội dung chương trình Đại hội gửi đính kèm*)
2. **Địa điểm:** Hội trường (lầu 3) Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 - Ấp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.
3. **Nội dung đại hội:** Đại hội Cổ đông thường niên năm 2014 sẽ xem xét thông qua và phê duyệt các nội dung sau :
 - (1) Thông qua Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2013 và phương hướng nhiệm vụ năm 2014 của Hội đồng quản trị;
 - (2) Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2013 của công ty;
 - (3) Phê duyệt Kế hoạch hoạt động SXKD năm 2014 của Công ty;
 - (4) Thông qua Báo cáo kết quả kiểm tra giám sát năm 2013 và Kế hoạch kiểm soát năm 2014 của Ban kiểm soát;
 - (5) Phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán;
 - (6) Phê duyệt Phương án phân phối lợi nhuận năm 2013;
 - (7) Thông qua Danh sách các đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2014;
4. **Các vấn đề khác:**
 - Trường hợp Quý cổ đông không sắp xếp tham dự Đại hội được, Quý Cổ đông có thể ủy quyền cho người khác tham dự (*theo mẫu Giấy ủy quyền*) hoặc gửi Phiếu biểu quyết về Công ty trước **16h00 ngày 15/04/2014** (*đính kèm Phiếu biểu quyết*).
 - Cổ đông khi đến dự Đại hội xin vui lòng mang theo giấy Chứng minh nhân dân (CMND) và Giấy ủy quyền có đầy đủ chữ ký hợp lệ của người ủy quyền (nếu có).
 - Để thuận lợi cho công tác tổ chức Đại hội, đề nghị Quý cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự Đại hội gửi Xác nhận tham dự Đại hội trước **16h00 ngày 15/04/2014** theo địa chỉ sau:

Địa chỉ tiếp nhận thông tin:

Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

Địa chỉ Ấp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: +(84).612.225899 Fax :+(84).612.225897

Mobil: 0938855809 (Ông Trịnh Quốc Thắng)

0903173930 (Bà Hồ Xuân Lan)

Email: trinhthang@pvnt2.com.vn hoặc thuky.cty@pvnt2.com.vn

Rất mong sự hiện diện đầy đủ của Quý cổ đông để Đại hội cổ đông thường niên năm 2014 của Công ty thành công tốt đẹp.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Tự Hiếu

Ghi chú:

- Quý cổ đông tự túc các chi phí đi lại và ăn ở trong thời gian Đại hội.
- Đối với cổ đông là tổ chức: Đề nghị quý vị gửi bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hiện tại đến địa chỉ tiếp nhận thông tin (như trên) .
- Tài liệu phục vụ Đại hội cổ đông thường niên năm 2014 của Công ty được gửi kèm Thư mời này hoặc Quý cổ đông có thể xem chi tiết trên website của Công ty: www.pvpnt2.com.vn.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2
PETROVIETNAM POWER NHON TRACH 2 JOINT-STOCK COMPANY
Địa chỉ: Ấp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tel : +(84).612.225899 Fax : +(84).612.225897

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2014
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Thời gian: 07h30, ngày 18 tháng 04 năm 2014

Địa điểm: Hội trường (Tầng 3) Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2
Ấp 3, xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai.

SỐ TT	THỜI GIAN DỰ KIẾN	CHI TIẾT NỘI DUNG	THỰC HIỆN
1	07h30 – 08h00	- Tham quan nhà máy	BTC Đại hội
2	08h00 – 08h30	- Tiếp đón Đại biểu và kiểm tra tư cách cổ đông	BTC Đại hội
3	08h30 – 08h40	- Báo cáo kiểm tra tư cách Cổ đông tham dự, tuyên bố đủ điều kiện tiến hành Đại hội theo quy định. - Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu và khai mạc đại hội - Giới thiệu và thông qua danh sách Đoàn chủ tịch Đại hội (Lê Tự Hiểu, Hoàng Xuân Quốc, Lương Ngọc Anh) và thư ký Đại hội (Trịnh Quốc Thắng, Hồ Xuân Lan).	Trưởng BKS BTC Đại hội (Ngô Đức Nhân, Nguyễn Tri Phương, Phạm Hữu Bắc)
4	08h40 – 08h50	- Thông qua nội dung chương trình Đại hội và quy chế tổ chức Đại hội. - Thông qua Ban kiểm phiếu Đại hội (Nguyễn Thị Hà, Hồ Xuân Lan, Lê Minh Phúc)	Đoàn chủ tịch
5	08h50 – 10h00	Trình bày các nội dung chính xin biểu quyết phê duyệt/thông qua tại Đại hội 1. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2013 và phương hướng nhiệm vụ năm 2014 của Hội đồng quản trị 2. Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2013 của Công ty 3. Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014 4. Báo cáo kết quả kiểm tra giám sát năm 2013 và kế hoạch kiểm soát năm 2014 của Ban kiểm soát 5. Báo cáo tài chính 2013 của Công ty đã được kiểm toán	 Đoàn Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Trưởng Ban kiểm soát Kế toán trưởng

Số TT	THỜI GIAN DỰ KIẾN	CHI TIẾT NỘI DUNG	THỰC HIỆN
		6. Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận năm 2013	Đoàn chủ tịch
		7. Tờ trình Danh sách các đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2014.	Đoàn chủ tịch
6	10h00 – 10h30	- Thảo luận các vấn đề trình bày tại Đại hội. - Đoàn Chủ tịch giải đáp các ý kiến của Cổ đông	Đoàn chủ tịch
7	10h30 – 10h40	Cổ đông biểu quyết phê duyệt/thông qua các nội dung của Đại hội (bằng phiếu biểu quyết)	Cổ đông, Ban kiểm phiếu và Đoàn chủ tịch
8	10h40 – 10h50	Phát biểu chỉ đạo của Lãnh đạo Cổ đông chi phối (TCT ĐLDK Việt Nam – PVPower)	Lãnh đạo PVPower
9	10h50 – 11h00	Nghỉ giải lao và Kiểm phiếu	BTC Đại hội, Ban kiểm phiếu
10	11h00 – 11h15	- Báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết	Trưởng ban kiểm phiếu
11	11h15 – 11h30	Thông qua Biên bản và Nghị quyết của Đại hội	- Thư ký đọc - Đoàn chủ tịch
12	11h30	- Bế mạc Đại hội – Mời cơm trưa	- Đoàn chủ tịch - BTC Đại hội

**PHIẾU XÁC NHẬN
THAM DỰ ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2014**

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2**

Tên cổ đông:.....

Số CMND/Hộ chiếu:....., ngày cấp....., nơi cấp.....

Số và ngày Quyết định thành lập/Số ĐKKD (đối với tổ chức):.....

Địa chỉ liên hệ :.....

Số điện thoại:....., Số fax:.....

Email:

Đăng ký tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2014 của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 được tổ chức vào ngày 18/04/2014, với:

Số cổ phần biểu quyết là:..... cổ phần.

(Bằng chữ:))

Trong đó:

• Số cổ phần sở hữu là: cổ phần.

• Số cổ phần được ủy quyền: cổ phần.

(Mẫu Giấy ủy quyền đính kèm theo).

Tôi cam kết sẽ chấp hành đúng các quy định của Đại hội.

....., ngày tháng 04 năm 2014

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là tổ chức)

Ghi chú:

- Cá nhân/Tổ chức đến tham dự Đại hội, vui lòng đem theo bản chính Phiếu xác nhận tham dự Đại hội, Giấy ủy quyền (nếu có) và CMND/Hộ chiếu/GĐKKD (trường hợp chưa gửi bản chính).
- Phiếu xác nhận tham dự Đại hội, Giấy ủy quyền (nếu có), Phiếu biểu quyết (trong trường hợp Quý Cổ đông không tham dự và không ủy quyền tham dự Đại hội) vui lòng gửi hoặc fax trước **16h00 ngày 15/04/2014** theo địa chỉ:
+ Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2. Địa chỉ: Ấp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
+ Số Fax: 0612 225897; Số điện thoại: 0612 225899; Email: info@pvpnt2.com
+ Chi tiết liên hệ: A Thắng: 0938855809 hoặc Chị Lan: 0903173930

.....Ngày.....tháng 04 năm 2014

**GIẤY ỦY QUYỀN
THAM DỰ ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2014**

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2**

1. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG (người ủy quyền)

- Tên cổ đông:.....
- CMND/ Passport.....cấp ngày.....tại.....
- Số, ngày Quyết định thành lập/ĐKKD (đối với tổ chức):.....
- Địa chỉ liên hệ:.....
- Số điện thoại:....., Số fax:.....,Email:.....
- Hiện đang sở hữu.....Cổ phần của Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (PVPower NT2).

NAY ỦY QUYỀN CHO

2. THÔNG TIN NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN:

- Họ và tên:.....
- CMND/ Passport.....cấp ngày.....tại.....
- Địa chỉ thường trú:.....

Được thay mặt tôi tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2014 của PVPower NT2 và biểu quyết tất cả những vấn đề có liên quan tương ứng vớicổ phần do tôi sở hữu.

Giấy ủy quyền này có hiệu lực từ ngày ký và chấm dứt hiệu lực khi Đại hội cổ đông thường niên năm 2014 của PVPower NT2 kết thúc.

BÊN ỦY QUYỀN
(Ký và ghi rõ họ tên, Đóng dấu nếu là tổ chức)

BÊN NHẬN ỦY QUYỀN
(Ký và ghi rõ họ tên)

.....Ngày.....tháng 04 năm 2014

PHIẾU BIỂU QUYẾT

Thông tin cổ đông:

Tên Cơ quan (cổ đông là tổ chức):

Họ và tên cổ đông (cổ đông cá nhân):

Mã số cổ đông:.....

Giấy phép kinh doanh / Số CMND :.....

Số lượng cổ phần sở hữu:.....CP. Tỷ lệ sở hữu trên VDL :.....

Biểu quyết :

STT	Nội dung biểu quyết	Đồng ý	Không đồng ý	Không có ý kiến
1	Thông qua Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2013 và phương hướng nhiệm vụ năm 2014 của Hội đồng quản trị			
2	Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2013 của Công ty			
3	Thông qua Báo cáo kết quả kiểm tra giám sát năm 2013 và Kế hoạch công tác năm 2014 của Ban kiểm soát			
4	Thông qua Danh sách các đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2014			
5	Phê duyệt Kế hoạch SXKD năm 2014 của Công ty			
6	Phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán			
7	Phê duyệt Phương án phân phối lợi nhuận năm 2013			

....., ngày..... tháng 04 năm 2014

(Cổ đông ký tên, ghi rõ họ và tên),(đóng dấu nếu là tổ chức)

Ghi chú:

Nếu Quý Cổ đông không tham dự Đại hội được, có thể gửi Phiếu biểu quyết về Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2. Thời gian gửi Phiếu biểu quyết chậm nhất là **ngày 15/04/2014**. Cổ đông có thể gửi trực tiếp hoặc fax về Công ty theo số **0612.225897**.

Trụ sở: Công ty CP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

Địa chỉ: Số ấp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

Số điện thoại: 0612 225899;

Số Fax: 0612 225897;

Email: info@pvpnt2.com

Chi tiết liên hệ gặp A Thắng: 0938855809 hoặc Chị Lan: 0903173930

Số: 17 /TTr-HĐQT

Nhon Trạch, ngày 03 tháng 04 năm 2014

TỜ TRÌNH

Về việc: Các nội dung xin thông qua và phê duyệt tại
Đại hội cổ đông thường niên năm 2014

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông**
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (PVPower NT2) quyết định triệu tập Đại hội cổ đông thường niên năm 2014 vào ngày 18/04/2014 tại Hội trường Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 ở địa điểm Ấp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty các nội dung xin thông qua và phê duyệt tại Đại hội như sau:

1. Thông qua báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2013 và phương hướng nhiệm vụ năm 2014 của Hội đồng quản trị (Báo cáo số 15/CPNT2-BC-HĐQT ngày 31/03/2014 của HĐQT);
2. Thông qua báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2013 và Phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2014 của Công ty (Chi tiết Báo cáo số 09/BC-CPNT2 ngày 25/02/2014 của Công ty);
3. Thông qua báo cáo kết quả kiểm tra giám sát năm 2013 và Kế hoạch công tác năm 2014 của Ban kiểm soát (Báo cáo số 01/BC-CPNT2-BKS ngày 12/03/2014 của Ban kiểm soát);
4. Phê duyệt báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán (Báo cáo tài chính 2013);
5. Phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2013 (Tờ trình số 17/TTr-CPNT2 ngày 31/03/2014 của Công ty);
6. Thông qua danh sách đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2014 (Tờ trình số 10/TTr-CPNT2 ngày 26/02/2014).

(Các báo cáo, tờ trình của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Công ty gửi đính kèm hoặc Quý Cổ đông có thể truy cập website của Công ty: www.pvpnt2.com.vn)

Kính đề nghị Quý vị cổ đông xem xét, cho ý kiến và biểu quyết các nội dung như nêu trên tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2014 của Công ty vào ngày 18 tháng 04 năm 2014.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lê Tự Hiếu

Số: 15 /CPNT2-BC-HĐQT

Nhon Trạch, ngày 31 tháng 03 năm 2014

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2014**

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2013 &
PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2014**

Kính gửi: Quý Cổ đông
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Căn cứ Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;

Căn cứ phương hướng nhiệm vụ năm 2013 của Hội đồng quản trị đã được cổ đông thông qua tại Nghị quyết số 04/NQ-CPNT2 ngày 10/05/2013 của Đại hội cổ đông thường niên;

Căn cứ Kế hoạch hoạt động SXKD năm 2013 của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tại Quyết định số 20/QĐ-CPNT2 ngày 15/05/2013;

Với vai trò chỉ đạo, quản trị, định hướng và giám sát Công ty thực hiện nhiệm vụ SXKD theo kế hoạch đã được Đại hội cổ đông thường niên thông qua, trên cơ sở kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và của Công ty, HĐQT kính báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch hoạt động SXKD năm 2013 và phương hướng nhiệm vụ năm 2014 như sau:

I. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2013

1. Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2013, Hội đồng quản trị đã tổ chức thành công các phiên họp HĐQT và lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để phê duyệt và ban hành các nghị quyết, quyết định các nội dung nhằm chỉ đạo Công ty triển khai thực hiện nhiệm vụ chính là SXKD điện và kết quả đạt được là hoàn thành vượt mức tất cả các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2013. Cụ thể như sau:

1.1 Quan hệ với cổ đông:

- Tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên năm 2013 vào ngày 10/05/2013 với tỷ lệ tham dự của các cổ đông đạt khá cao 95,73%, đại diện cho 245.064.990 cổ phần có quyền biểu quyết.

- Cung cấp đầy đủ tài liệu, báo cáo, nghị quyết / quyết định của Đại hội cổ đông cho các cổ đông.
- Thực hiện nghiêm túc việc công bố thông tin định kỳ, thường niên cũng như các thông tin bất thường cho các cổ đông trên sàn chứng khoán theo đúng quy định.

1.2 Việc ban hành và thực hiện các Quyết định, Nghị quyết, Quy chế và Quy định:

Hội đồng quản trị đã tổ chức họp định kỳ và đột xuất nhằm kịp thời thông qua các Nghị quyết/Quyết định về quản lý và chỉ đạo đáp ứng tiến độ các hoạt động SXKD năm 2013; Ban hành 06 Nghị quyết và 62 Quyết định theo Tờ trình, đề xuất của Ban giám đốc để tạo cơ sở pháp lý cho Công ty triển khai thực hiện hoạt động SXKD năm 2013 (Nội dung các Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị năm 2013 xem Phụ lục đính kèm).

Hội đồng quản trị đã thực hiện chức trách nhiệm vụ của HĐQT và phê duyệt, ban hành các Quy chế/Quy định quản lý nội bộ phù hợp với cơ cấu tổ chức, điều kiện hoạt động SXKD của Công ty cụ thể như sau:

- Ban hành Quy chế quản lý Tài chính sửa đổi lần I để phù hợp với đặc thù loại hình kinh doanh và tình hình SXKD của Công ty;
- Sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty theo Thông tư số 121/2012/TT-BTC nhằm hoàn thiện hơn nữa các nội dung của Điều lệ, làm cơ sở cho việc vận hành các hoạt động của Công ty theo đúng quy định, đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông;
- Quyết định sắp xếp lại tổ chức bộ máy hoạt động của Công ty: Giải thể phòng Xây dựng và cơ cấu lại các phòng chức năng bao gồm 06 phòng và 01 phân xưởng với mục đích hoàn thiện cơ cấu tổ chức cho phù hợp với tình hình thực tế;
- Phê duyệt và ban hành Quy định về phân cấp và quyết định đầu tư của PVPower NT2 nhằm phục vụ cho công tác quản lý đầu tư, mua sắm của Công ty phù hợp với các quy định hiện hành;
- Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ: nhằm thống nhất đối tượng, hạn mức trong việc thực hiện chế độ chi tiêu, đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của Nhà nước và của Công ty;
- Ban hành Quy chế thi đua – khen thưởng để khuyến khích, tạo động lực cho CBCNV làm việc tích cực nhằm mang lại hiệu quả tốt nhất cho Công ty;
- Ban hành Quy chế Quản lý hoạt động nghiên cứu Khoa học – Công nghệ nhằm tạo điều kiện gắn NCKH và Công nghệ với sản xuất và đào tạo nhân lực, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật góp phần nâng cao hiệu quả SXKD cho Công ty;
- Ngày 20/02/2013 HĐQT đã có QĐ số 09 phê duyệt Định mức kinh tế- kỹ thuật áp dụng trong năm 2013 cho NMDNT2;
- Ngày 15/05/2013 HĐQT đã có QĐ số 21 phê duyệt Quyết toán vốn đầu tư hoàn thành dự án NMDNT2 theo biểu quyết của ĐHCĐ tại kỳ ĐHCĐ thường niên năm 2013;

- Đang triển khai Xây dựng hệ thống quản lý ATSKMT theo các tiêu chuẩn OHSAS 18001 & ISO 14001 cho PVPower NT2;
- Phê duyệt kế hoạch đấu thầu mua sắm vật tư thiết bị phục vụ SXKD và bảo dưỡng sửa chữa theo các Quyết định: QĐ số 12 ngày 09/03, QĐ số 18 ngày 15/05, QĐ số 24 ngày 10/06, QĐ số 29 ngày 28/06, QĐ số 31 ngày 08/07, QĐ số 38 ngày 31/07, QĐ số 41 ngày 31/07, QĐ số 56 ngày 25/11, QĐ số 57 ngày 28/11, QĐ số 61 ngày 13/12 và QĐ số 62 ngày 23/12;
- Hợp đồng mua bán điện giá chính thức: Đang trình Cục Điều tiết Điện lực – Bộ Công thương phê duyệt kết quả đàm phán giá điện chính thức và nội dung Dự thảo Hợp đồng sửa đổi bổ sung HĐ Mua bán điện NMD NT2;

Đánh giá chung: Trên cơ sở phương hướng nhiệm vụ năm 2013 của Hội đồng quản trị tại Báo cáo số 26/CPNT2-BC-HĐQT ngày 25/04/2013 đã được ĐHCĐ thường niên thông qua, HĐQT đã triển khai một cách nghiêm túc, quyết liệt và hoàn thành tốt chương trình kế hoạch đề ra, góp phần quan trọng trong việc năm 2013 công ty hoàn thành vượt mức kế hoạch SXKD điện về đích trước hạn 40 ngày đồng thời các chỉ tiêu khác đều vượt kế hoạch.

2. Công tác chỉ đạo và giám sát công ty thực hiện Kế hoạch SXKD năm 2013:

Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Đảng ủy Công ty đã thực hiện đúng, đầy đủ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Quy chế phối hợp giữa Đảng ủy, Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty, đảm bảo hoạt động không chồng chéo, tuân thủ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Quy chế quản lý Tài chính và các quy định của Nhà nước, tạo điều kiện cho Ban giám đốc chủ động và linh hoạt trong điều hành để hoàn thành vượt mức các mục tiêu kế hoạch hoạt động SXKD năm 2013 cụ thể kết quả như sau:

2.1 Kết quả sản xuất điện:

- Ngày 25/09/2013, sau gần 02 năm vận hành thương mại, Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 đã cán mốc 10 tỷ kWh điện thương phẩm, đánh dấu thêm một cột mốc quan trọng của Công ty trong việc góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia;
- Kế hoạch sản xuất điện năm 2013 giao: 4,156 tỷ kWh;
- Ngày 22/11/2013, sản lượng điện phát lên lưới đạt 4,156 tỷ kWh, đạt kế hoạch năm và về đích trước 40 ngày;
- Tổng sản lượng điện phát lên lưới của Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 trong năm 2013 là: 4,670 tỷ kWh, đạt 112,37% so với kế hoạch.

2.2 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013 của Công ty

Kết quả thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch năm 2013 so với kế hoạch được duyệt cụ thể như sau:

S T T	Công việc	Kế hoạch	Kết quả thực hiện	Tỷ lệ % đạt được so với KH
1	Kế hoạch nhân sự			
	Định biên nhân sự	181 người	172 người	95,03%

S T T	Công việc	Kế hoạch	Kết quả thực hiện	Tỷ lệ % đạt được so với KH
2	Sản xuất điện			
	Kế hoạch sản xuất điện cung cấp lên lưới điện quốc gia	4,156 tỷ kWh	4,670 tỷ kWh	112,37%
3	Kế hoạch tài chính			
*	Tổng Doanh thu	5.223.441.000.000	5.935.304.000.000	113,63%
*	Tổng Chi phí	5.216.189.000.000	5.496.803.000.000	105,37%
*	Chênh lệch tỷ giá	(622.000.000)	(430.281.000.000)	
*	Lợi nhuận trước thuế	6.631.000.000	8.220.000.000	123,96%
*	Nộp NSNN	166.783.000.000	168.400.000.000	100,97%
4	Kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa			
*	Bảo dưỡng, sửa chữa Nhà máy điện Nhơn Trạch 2	Tiêu tu nhà máy lần II vào tháng 4-5/2013	Thực hiện tiêu tu lần II từ ngày 28/04 đến 07/05/2013, hiệu quả và an toàn chất lượng	

(Chi tiết việc thực hiện kế hoạch năm 2013 được thể hiện tại báo cáo của Công ty)

2.3 Kết quả thực hiện tiết kiệm, tiết giảm chi phí năm 2013:

Bên cạnh việc áp dụng theo định mức kỹ thuật trong vận hành nhà máy được HĐQT phê duyệt nhằm kiểm soát chi phí, tăng cường hiệu quả SXKD, PVPower NT2 còn xây dựng chương trình hành động thực hành tiết kiệm chống lãng phí tại Công ty. Kết quả là năm 2013, Công ty đã tiết kiệm và tiết giảm chi phí số tiền là 16.087.000.000 đồng, đạt 230% so với kế hoạch (chi phí đăng ký tiết giảm cho cả năm 2013 là 7.008.000.000 đồng).

2.4 Công tác an sinh – xã hội:

PVPower NT2 đã thực hiện thăm hỏi tặng quà thân nhân gia đình CBCNV – LĐ khi ốm đau, hoạn nạn hoặc gặp khó khăn...; PVPower NT2 đã tổ chức làm thêm 04 ngày để ủng hộ Quỹ Tương trợ Dầu khí vào ngày 19/01/2013; Quỹ Vì thế hệ trẻ Dầu khí vào ngày 30/03/2013, Quỹ Nghĩa tình đồng đội vào ngày 20/07/2013 và ủng hộ đồng bào bị thiên tai, lũ lụt vào ngày 26/10/2013; Ủng hộ 1 tỷ đồng xây dựng trường học PTCS Sơn Liên, huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Đánh giá chung:

Tiếp nối những thành công mà Công ty đã đạt được trong thời gian qua, từ khi dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 còn đang trong quá trình xây dựng đến nay sau hơn 02 năm vận hành thương mại, mặc dù còn nhiều khó khăn thử thách song Công ty vẫn luôn hoàn thành, đạt vượt mức tất cả các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2013, đảm bảo công tác vận hành Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 chất lượng, an toàn, ổn định và hiệu quả; tạo tiền đề và cơ sở vững chắc cho hoạt động SXKD những năm tới nhằm mang lại lợi ích tốt nhất cho cổ đông. Có được kết quả trên là do:

- Các chủ trương, kế hoạch đều được bàn bạc dân chủ, công khai và thống nhất trong HĐQT, Ban Giám đốc mới triển khai thực hiện;
- Hội đồng quản trị luôn bám sát kế hoạch để chỉ đạo, Ban Lãnh đạo Công ty sáng tạo, dám nghĩ dám làm, năng động trong điều hành cùng với sự tận tâm nỗ lực lao động của đội ngũ kỹ sư, công nhân vận hành cùng với toàn thể CBCNV trong công ty đoàn kết, hợp sức đồng tâm ngày đêm phấn đấu cho một mục tiêu phát triển chung của PVPower NT2;
- Công ty luôn nhận được sự lãnh đạo, hỗ trợ kịp thời của PVN/PVPower và sự đồng hành của các Cổ đông trong quá trình hoạt động SXKD.

Thành công trong hoạt động của công ty năm 2013 được thể hiện qua một số sự kiện nổi bật sau:

- Công tác xây dựng Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 đã hoàn tất phần cuối cùng: Quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành Dự án Nhà máy điện CTHH Nhơn Trạch 2 đã được thông qua và phê duyệt với sự nhất trí của 100% cổ đông tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2013;
- Luôn chủ động, kiểm soát tốt những rủi ro khi vận hành. Được Trung tâm điều độ Hệ thống điện Quốc gia (A0) đánh giá cao vì đã có những xử lý kịp thời và đúng quy trình nên Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 là một trong những nhà máy điện đầu tiên hoạt động trở lại ngay sau sự cố mất điện toàn Miền Nam vào ngày 22/05/2013;
- Đạt mức sản lượng 10 tỷ kWh điện thương phẩm vào lúc 18h55 ngày 25/09/2013;
- Về đích trước 40 ngày, đạt 112,37% so với kế hoạch.

II. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2014

Với mục tiêu chính là vận hành an toàn, ổn định Nhà máy điện, tối ưu hoá hiệu quả SXKD nhằm đạt lợi nhuận tốt nhất. Trong năm 2014 Hội đồng quản trị sẽ tập trung chỉ đạo Công ty triển khai thực hiện nhiệm vụ, cụ thể như sau:

1. Tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2014:
Thời gian dự kiến đại hội: tháng 04/2014
2. Kế hoạch nhiệm vụ của Hội đồng quản trị:
 - Ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng trong năm 2014 cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 và Giám sát việc thực hiện sản xuất điện theo Định mức kinh tế - kỹ thuật đã được ban hành để quản lý vật tư thiết bị và kiểm soát chi phí trong vận hành nhà máy nhằm tăng cường hiệu quả trong SXKD của Công ty;
 - Chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất điện hiệu quả, an toàn trong thị trường điện cạnh tranh;
 - Phê duyệt và chỉ đạo Công ty Ký kết hợp đồng Mua bán điện giá chính thức cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 2;
 - Chỉ đạo công tác trung tu mở rộng Nhà máy tại 25.000 EOH dự kiến vào tháng 05-06/2014, hoàn thành đúng tiến độ và đảm bảo độ an toàn tin cậy, hiệu quả;
 - Chỉ đạo Công ty thực hiện tốt việc thu hồi và thanh toán công nợ kịp thời;

- Phê duyệt kế hoạch mua sắm vật tư thiết bị phục vụ sản xuất, bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy trong năm 2014 và chỉ đạo triển khai ứng dụng hệ thống CMMS / mã vạch phục vụ quản lý vật tư, quản lý tài sản của Công ty;
- Chỉ đạo Công ty triển khai thực hiện hệ thống quản lý ATSKMT theo các tiêu chuẩn OHSAS 18001 và ISO 14001;
- Thực hiện việc giám sát, kiểm tra các hoạt động của Ban điều hành và của Công ty đúng chức năng của HĐQT theo Điều lệ Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và theo Luật doanh nghiệp;

3. Chỉ đạo thực hiện kế hoạch của Công ty năm 2014 như sau:

- Kế hoạch nhân sự: Định biên nhân sự là 181 người;
- Kế hoạch sản xuất điện: Sản lượng điện thương mại năm 2014 là 4 tỷ kWh;
- Kế hoạch tài chính năm 2014:
 - + Tổng doanh thu: 5.284.798.000.000 đồng
 - + Tổng chi phí: 5.141.801.000.000 đồng
 - + Lợi nhuận sau thuế: 142.997.000.000 đồng (chưa bao gồm CLTG)
- Nộp ngân sách Nhà nước: 147.131.000.000 đồng
- Kế hoạch mua sắm tài sản, trang thiết bị: 135.508.000.000 đồng

Trên đây là báo cáo thực hiện năm 2013 và phương hướng nhiệm vụ 2014 của Hội đồng quản trị công ty. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét để thông qua tại Đại hội thường niên.

Kính chúc Quý vị Cổ đông một năm nhiều sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt!

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên
- Các UVHĐQT;
- Ban kiểm soát;
- Lưu VT, HĐQT.

Đính kèm các báo cáo của Công ty:

- Báo cáo tổng kết năm 2013;
- Kế hoạch SXKD năm 2014;
- Báo cáo tài chính năm 2013.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Tự Hiếu

TỔNG CÔNG TY ĐLĐK VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 09/BC- CPNT2

Nhon Trạch, ngày 25 tháng 02 năm 2014

V/v: Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch
SXKD năm 2013 và kế hoạch SXKD năm
2014. NỘI BỘ

Kính gửi: Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

Thực hiện sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị tại công văn số 04/CPNT2-HĐQT ngày 10/02/2014 về việc chuẩn bị tài liệu phục vụ cho cuộc họp Hội đồng quản trị, Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (PVPower NT2) kính báo cáo như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2013

1. Các chỉ tiêu đạt được:

Năm 2013, PVPower NT2 đã hoàn thành vượt kế hoạch sản lượng điện, về đích trước 40 ngày đảm bảo an toàn tuyệt đối (đạt sản lượng điện kế hoạch 4.156 Tr.KWh vào ngày 22/11/2013). Đến ngày 31/12/2013 sản lượng điện thực hiện là 4.670 Tr.Kwh đạt 112% so với kế hoạch năm 2013, tổng doanh thu 5.935.304 Tr.đồng đạt 114%, nộp ngân sách nhà nước 168.400 Tr.đồng đạt 101%, lợi nhuận sau thuế đạt 8.219 Tr.đồng đạt 124% so với kế hoạch năm 2013. Cụ thể như sau:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2013	TH năm 2013	Đánh giá
A	Vốn điều lệ	Tr.VNĐ	2.560.000	2.560.000	
B	Sản lượng				
I	Sản lượng điện	Tr. KWh	4.156	4.670	112%
II	Khối lượng khí	Tr.Sm ³	752	839	112%
III	Khối lượng dầu DO ở 15°C	M ³		713,17	
C	Tài chính				
I	Doanh thu từ hoạt động kinh doanh	Tr.VNĐ	5.223.441	5.935.304	114%
1	Doanh thu sản xuất điện	Tr.VNĐ	5.223.441	5.880.998	113%
2	Doanh thu khác	Tr.VNĐ	0	54.306	
II	Tổng chi phí SXKD	Tr.VNĐ	5.216.189	5.496.803	105%
1	Chi phí sản xuất điện	Tr.VNĐ	5.216.189	5.496.597	105%
2	Chi phí khác	Tr.VNĐ	0	206	
III	Lợi nhuận trước thuế chưa	Tr.VNĐ	7.252	438.501	-

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2013	TH năm 2013	Đánh giá
	tính đến ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện				
IV	Chênh lệch tỷ giá	Tr.VND	(622)	(430.281)	-
V	Lợi nhuận sau thuế đã trừ chênh lệch tỉ giá	Tr.VND	6.631	8.219	124%
VI	Lợi nhuận sau thuế	Tr.VND	6.631	8.219	124%

❖ **Đánh giá:**

- Sản lượng điện năm 2013 vượt 112% so với kế hoạch năm 2013, về đích trước 40 ngày đảm bảo an toàn tuyệt đối.
- Tổng doanh thu năm 2013 vượt 14% so với kế hoạch năm 2013. Trong đó doanh thu sản xuất điện vượt 13% so với kế hoạch, cao hơn tỷ lệ 12% vượt kế hoạch của sản lượng điện, đây là kết quả đạt được do nỗ lực của PVPower NT2 trong công tác chào giá thị trường điện với chiến lược chào giá hợp lý, đảm bảo nhà máy điện vận hành an toàn, hiệu quả.
- Tổng chi phí năm 2013 (chưa bao gồm chênh lệch tỷ giá) tăng 5% so với kế hoạch năm 2013 (chủ yếu là tăng chi phí nhiên liệu, nguyên nhân do sản lượng điện vượt kế hoạch 12% dẫn đến chi phí nhiên liệu tăng). Tỷ lệ tăng này thấp hơn so với tỷ lệ vượt sản lượng trong kế hoạch năm 2013 (12%). Đây là kết quả đạt được do nỗ lực của PVPower NT2 trong công tác chào giá thị trường điện, áp dụng cải tiến kỹ thuật, tăng năng suất, chất lượng và đã chủ động triển khai, thực hiện nghiêm túc triệt để trong việc tiết kiệm chống lãng phí nhằm đem lại hiệu quả nhất trong hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh điện năm 2013 (chưa bao gồm chênh lệch tỷ giá) đạt 438.501 Tr.VND. Tuy nhiên lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại dự nợ ngoại tệ cuối kỳ và phân bổ lỗ tỷ giá giai đoạn đầu tư là 430.281 Tr.VND nên lợi nhuận năm 2013 còn 8.219 Tr.VND, tuy nhiên vẫn đạt 124% so với kế hoạch lợi nhuận năm 2013.

(Chi tiết tại các Phụ lục đính kèm)

2. Công tác kỹ thuật sản xuất, vận hành và bảo dưỡng sửa chữa

Từ đầu năm đến nay, công tác kỹ thuật sản xuất, bảo trì và sửa chữa thiết bị đáp ứng yêu cầu sản xuất và đảm bảo an toàn tuyệt đối, cụ thể:

- Công tác vận hành đáp ứng tốt yêu cầu và đảm bảo Nhà máy vận hành an toàn, hiệu quả góp phần hoàn thành vượt chỉ tiêu kế hoạch sản lượng điện năm 2013 được giao;
- Công tác an toàn và PCCN, công tác bảo dưỡng thường xuyên, đột xuất nhà máy được Công ty bám sát và thực hiện nghiêm túc, thường xuyên rà soát và ban hành quy trình vận hành, sửa chữa hệ thống thiết bị phục vụ công tác quản lý và sửa chữa; Giám sát và hỗ trợ nhà thầu PVPS thực hiện tốt công tác sửa chữa thường xuyên và đột xuất Nhà máy điện Nhơn Trạch 2;
- Công tác tiêu tu kể từ 28/04/2013 đến ngày 07/05/2013 đã hoàn thành đúng tiến độ

và công suất các tổ máy sau tiêu tu tăng thêm 2 MWh.

3. Công tác thương mại Hợp đồng

a. Hợp đồng PPA

- Ngày 03/06/2013, ký Hợp đồng mua bán điện sửa đổi bổ sung số 02 (theo quy định của Thông tư 03/2013/TT-BCT ngày 08/02/2013 của Bộ Công Thương về việc quy định vận hành thị trường phát điện cạnh tranh) với Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)/Công ty mua bán điện (EPTC);
- Ngày 15/05/2013, Hội đồng Quản trị Công ty đã có Quyết định số 17/QĐ-CPNT2 về việc thành lập tổ đàm phán giá điện chính thức của Hợp đồng mua bán điện Nhà máy Điện Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2. Ngay sau khi thành lập, tổ đàm phán đã gấp rút chuẩn bị tài liệu liên quan và khẩn trương đàm phán giá điện chính thức của Hợp đồng mua bán điện NMD NT2 từ tháng 06/2013;
- Nội dung Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 03 (sử dụng khí Hải Thạch Mộc tỉnh) đã được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt tại Quyết định số 51/QĐ-CPNT2 ngày 10/09/2013. Ngày 20/01/2014, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 03 đã ký với EVN/EPTC;
- Ngày 04/10/2013, Tổ đàm phán giá điện chính thức Hợp đồng mua bán điện Nhà máy Điện Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 đã thống nhất với EPTC về giá điện chính thức NMD NT2 làm cơ sở trình EVN/Cục Điều tiết phê duyệt;
- Ngày 05-06/11/2013, Tổ đàm phán giá điện chính thức Hợp đồng mua bán điện Nhà máy Điện Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 đã thống nhất và ký tắt với EPTC nội dung dự thảo Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 04 Hợp đồng mua bán điện NMD NT2 và dự thảo thỏa thuận về việc thanh toán các điều khoản tiền điện chênh lệch được tính theo giá điện chính thức so với giai đoạn tạm tính từ ngày vận hành thương mại chính thức toàn nhà máy (16/10/2011) đến ngày 30/04/2012 NMD NT2;
- Hiện nay, EVN đang trình Cục Điều tiết điện lực – Bộ Công thương phê duyệt kết quả đàm phán giá điện chính thức NMD NT2 và nội dung dự thảo Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 04 Hợp đồng mua bán điện NMD NT2, dự thảo thỏa thuận về việc thanh toán các điều khoản tiền điện chênh lệch được tính theo giá điện chính thức so với giai đoạn tạm tính từ ngày vận hành thương mại toàn nhà máy (16/10/2011) đến ngày 30/04/2012 NMD NT2.

b. Hợp đồng mua bán Khí

- Hợp đồng mua bán Khí được thực hiện tốt, công tác phối hợp vận hành và xử lý sự cố đã được các bên phối hợp chặt chẽ, đảm bảo nguồn nhiên liệu cấp cho Nhà máy được liên tục, kiểm tra và thanh toán nhiên liệu khí được thực hiện nghiêm túc, đúng thời gian quy định. Công ty đã cử nhân sự tham gia tổ đàm phán hòa chung một giá khí do PVN chủ trì.
- Ký bổ sung số 02 Hợp đồng mua bán khí cho Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2 với Tổng Công ty khí Việt Nam – Công ty Cổ phần (PVGas) về việc sử dụng khí Hải Thạch Mộc tỉnh.

c. Hợp đồng bảo trì sửa chữa dài hạn



- Hợp đồng bảo trì sửa chữa dài hạn cho 100.000 giờ EOH đầu tiên của Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí (PVPS) được thực hiện một cách nghiêm túc đầy đủ, công tác bảo dưỡng thường xuyên hàng tháng được PVPS thực hiện tốt;
- Công tác tiêu tu kể từ 28/04/2013 đến ngày 07/05/2013 đảm bảo đúng tiến độ và công suất các tổ máy sau tiêu tu tăng thêm 2 MWh;
- Công tác chuẩn bị trung tu nhà máy điện Nhơn Trạch 2 tại 25.000EOH trong năm 2014 đã được PVPower NT2 triển khai, cụ thể như sau:

Trên cơ sở khuyến cáo của Siemens tại công văn số REU351/FZG/2013/004 ngày 22/4/2013 và của PVPS tại công văn số 365/CV-DVKT-P.KT ngày 13/5/2013 về việc khuyến cáo thực hiện trung tu mở rộng cho kỳ trung tu Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 tại 25.000 EOH nhằm đảm bảo độ an toàn, tin cậy, tăng công suất và giảm suất hao nhiệt (trên cơ sở đúc kết kinh nghiệm từ Nhà máy điện của Siemen có cấu hình tương tự Cà Mau 1&2 và các Nhà máy điện khí của Siemen trên thế giới) và được sự chấp thuận của PV Power/Hội đồng Quản trị Công ty. Công ty đã đàm phán và ký kết 03 Phụ lục bổ sung của Hợp đồng bảo trì bảo dưỡng nhà máy trong 100.000 EOH với PVPS về việc thực hiện trung tu năm 2014 của Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 với nội dung cụ thể như sau:

- + Ký Phụ lục bổ sung số 01 của Hợp đồng bảo trì bảo dưỡng nhà máy trong 100.000 EOH với PVPS về việc mua sắm vật tư dự phòng phục vụ trung tu nhà máy vào năm 2014 với giá trị là 1.823.428 EURO;
- + Ký Phụ lục bổ sung số 02 của Hợp đồng bảo trì bảo dưỡng nhà máy trong 100.000 EOH với PVPS về việc cung cấp vật tư dự phòng rủi ro phần thiết bị chính Siemens phục vụ trung tu mở rộng Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2 là 424.182,22 EURO;
- + Ký Phụ lục bổ sung số 03 của Hợp đồng bảo trì bảo dưỡng nhà máy trong 100.000 EOH với PVPS về việc cung cấp dịch vụ sửa chữa phạm vi trung tu mở rộng Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2 tại 25k EOH là 880.000 EURO.
- + Ngày 23/10/2013, Hội đồng Quản trị có Quyết định số 53/QĐ-CPNT2 về việc phê duyệt và ban hành quy định xử lý phát sinh trong quá trình sửa chữa Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2 để chủ động đầy nhanh xử lý các phát sinh (nếu có) trong quá trình trung tu mở rộng.

d. Công tác mua sắm vật tư thiết bị phục vụ sản xuất

PVPower NT2 đang tiến hành triển khai công tác mua sắm trang thiết bị vật tư phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2013 theo quy định hiện hành và quản lý hợp đồng theo tiến độ đã ký kết, đảm bảo chất lượng và tiết kiệm chi phí, cụ thể:

- Ngày 18/04/2013, ký Hợp đồng mua sắm vật tư tiêu hao vận hành, bảo dưỡng sửa chữa năm 2013 (đợt 1) cho Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2; Ngày 19/06/2013, ký Hợp đồng mua sắm hóa chất cho sản xuất và thử nghiệm và Hợp đồng mua sắm hóa chất Clo lỏng phục vụ sản xuất; Ngày 30/07/2013, ký Hợp đồng mua sắm vật tư dự phòng phục vụ sửa chữa định kỳ thiết bị Torishima NMDNT2 với Namvie GmbB; Ngày 31/07/2013, ký Hợp đồng mua sắm rửa vòi đốt bằng sóng siêu âm và Hợp đồng mua sắm hệ thống rửa máy nén gió tua bin khí; Ngày 11/09/2013, ký Hợp đồng mua sắm vật tư dự phòng phân đo lường và điều khiển; Ngày 29/10/2013, ký

Hợp đồng mua sắm vật tư dự phòng phần cơ các hệ thống tuabin khí và tuabin hơi;
Ngày 16/10/2013, ký Hợp đồng mua sắm máy móc thiết bị sản xuất;

- Tiếp tục theo dõi tiến độ cung cấp vật tư thiết bị thực hiện trung tu mở rộng theo các phụ lục hợp đồng đã ký kết và thực hiện các hợp đồng đã ký trước đây để phục vụ công tác vận hành của Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2;

Giá trị các Hợp đồng mua sắm vật tư thiết bị năm 2013 là 176.982 Tr.đồng, đạt 83% kế hoạch mua sắm vật tư thiết bị năm 2013.

4. Công tác tài chính kế toán và quyết toán vốn dự án NMD NT2

a. Công tác tài chính kế toán

- Thực hiện tốt công tác phân loại thu hồi công nợ tiền điện. Đảm bảo cân đối dòng tiền, Công ty đã thu xếp trả nợ gốc và lãi vay nước ngoài trong năm 2013 với số tiền là: 25.269.018,84 EUR và 25.978.968,79 USD tương đương 1.254.240.961.737 VNĐ.
- Lập báo cáo tài chính đầy đủ, chính xác và kịp thời.
- Thực hiện tốt các quy chế, quy định về công tác quản lý chi tiêu đảm bảo có hiệu quả, hợp lý và tiết kiệm.
- Ngày 26/04/2013, Hội đồng Quản trị PVPower NT2 đã có Quyết định số 14/QĐ-CPNT2 về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính của PVPower NT2.

b. Công tác quyết toán vốn dự án Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2

Công tác quyết toán vốn đầu tư dự án Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2 đã hoàn thành và được Đại Hội Đồng Cổ đông phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành dự án Nhà máy Điện Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 tại Quyết định số 21/QĐ-CPNT2 ngày 15/05/2013.

5. Công tác an toàn sức khỏe môi trường và PCCC

- Các công tác Y tế, an toàn vệ sinh thực phẩm, kiểm tra tình hình ATLĐ-VSLĐ, hệ thống PCCC được thực hiện định kỳ theo hàng tuần, giải quyết triệt để các tồn tại đảm bảo tuyệt đối an toàn cho người lao động.
- Phối hợp với Công ty Bảo vệ Bình an thực hiện tốt công tác bảo vệ an ninh trật tự trong khu vực toàn nhà máy.
- Định kỳ đo, lấy mẫu cập nhật số liệu lập các báo cáo về Môi trường, môi trường lao động gửi các cơ quan chức năng và PV Power theo quy định.
- Làm việc với các đoàn kiểm tra của PVN, PV Power và Sở Cảnh sát PCCC tỉnh Đồng Nai theo các chuyên đề về PCCC, ATSKMT, UCTHKC&PCLB.
- Thu gom, bảo quản, bàn giao cho nhà thầu xử lý toàn bộ chất thải nguy hại của nhà máy theo quy trình quản lý chất thải nguy hại đã được ban hành.
- Tham gia các chương trình Hội nghị ATSKMT lần thứ IV và Hội thao ATVSLĐ-PCCN lần thứ V của Tổng công ty; Tham gia Hội thao nghiệp vụ PCCC do Cảnh sát PCCC tại địa phương tổ chức.
- Giám sát công tác an toàn các nhà thầu trong khi tiêu tu và xử lý sự cố các tổ máy;



Thực hiện công tác kiểm định các vật tư, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về ATLĐ theo quy định.

- Triển khai các biện pháp tích cực nhằm đảm bảo ATVSLĐ, an toàn PCCN, an toàn giao thông trong các dịp nghỉ lễ.
- Tổ chức thi kiểm tra sát hạch an toàn, kiểm tra định kỳ quy trình quy phạm, kỹ thuật an toàn; Tổ chức các lớp huấn luyện về ATVSLĐ cho tất cả CBCNV trong Công ty.
- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền hưởng ứng ngày Môi trường Thế giới ngày 05/6; Tuyên truyền về công tác PCCC theo chỉ đạo của PVN và PV Power; Hướng dẫn sử dụng phương tiện, dụng cụ PCCC cho CBCNV tại nơi làm việc và Khu nhà công vụ.

Tóm lại, Công tác an toàn sức khỏe môi trường và PCCC đến nay đạt kết quả tốt.

6. Công tác tổ chức lao động, đào tạo, khoa học công nghệ

- Công tác lao động: Từ đầu năm đến nay tổng số lao động của PVPower NT2 là 172 người; Công tác tổ chức cán bộ được triển khai đúng quy chế, quy định của Nhà nước/PV Power/PVPower NT2 nhằm đảm bảo tính kịp thời, hiệu quả phục vụ cho nhiệm vụ chính trị và triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh và đồng thời tất cả thủ tục trên đều tuân thủ mọi quy định của Nhà nước/PV Power/PVPower NT2;
- Công tác đào tạo: PVPower NT2 đã chú trọng đào tạo cho các vận hành viên để tham gia sát hạch độc lập cương vị có thể luân chuyển, thay thế cho nhau để kịp thời có đủ lực lượng vận hành 2 ca 5 kíp kể từ ngày 01/03/2013; PVPower NT2 đã cử cán bộ tham gia khóa đào tạo về chuyên sâu bảo dưỡng lò hơi tại Nhật do PVN tổ chức kể từ ngày 18/02/2013 đến ngày 01/03/2013, PVPower NT2 đã tổ chức đào tạo trong năm 2013 cho 408 lượt người;
- Công tác khoa học công nghệ: Luôn chú trọng triển khai mạnh mẽ các thành tựu mới nhất của công nghệ thông tin vào quản lý, vận hành để giảm chi phí sản xuất kinh doanh, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác, đạt được sự tin cậy, chính xác trong điều hành; Luôn đẩy mạnh các phong trào thi đua, sáng tạo, cải tiến kỹ thuật, các giải quyết sáng kiến phải được triển khai áp dụng nhanh chóng, hiệu quả.

7. Tình hình thực hiện tiết giảm chi phí

PVPower NT2 đã chủ động triển khai, thực hiện nghiêm túc những quy định về công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí tại Công ty. Đảng ủy, Ban Lãnh đạo Công ty đã tổ chức tuyên truyền vận động và phổ biến sâu rộng đến toàn thể CBCNV cho mọi người hiểu rõ, nắm vững Luật Thực hành tiết kiệm chống lãng phí để thực hiện nghiêm túc, cụ thể như sau:

- Ngày 28/12/2012, PVPower NT2 đã có công văn số 834/CPNT2-KTKH về việc đăng ký số liệu tiết giảm chi phí năm 2013 và xây dựng chương trình hành động thực hành tiết kiệm chống lãng phí;
- Ngày 20/02/2013, Hội đồng Quản trị PVPower NT2 đã phê duyệt định mức Kinh tế Kỹ thuật áp dụng trong năm 2013 cho Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2;
- Luôn công khai, minh bạch trong công tác lựa chọn nhà thầu, đơn vị cung cấp đối với công tác mua sắm vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất,...thực hiện theo đúng

quy định của Luật đấu thầu nhằm lựa chọn đơn vị cung cấp với giá cả cạnh tranh;

- Luôn thực hành tiết kiệm, việc chi tiếp khách, không vượt định mức, tiêu chuẩn, chế độ do Công ty ban hành; việc chi tổ chức lễ hội, lễ kỷ niệm luôn trong phạm vi dự toán do Công ty phê duyệt;
- Các tổ chức và đoàn thể trong Công ty đã phối hợp chặt chẽ trong công tác phổ biến sâu rộng, tuyên truyền vận động đến toàn thể CBCNV phải nghiêm túc xây dựng nhận thức và hành động trong công tác thực hiện thực hành tiết kiệm chống lãng phí và kịp thời phát hiện, ngăn ngừa và đề xuất các biện pháp thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong Công ty;
- Hàng quý thực hiện đánh giá kết quả thực hiện chống lãng phí trên cơ sở đó đưa kiến nghị nhằm sửa đổi khắc phục kịp thời.

Ngoài ra, PVPower NT2 đã thực hiện nghiêm túc quy định của Nhà nước, Chính phủ, chỉ thị của PVN/PV Power và được sự chỉ đạo sát sao của Đảng ủy, Ban lãnh đạo Công ty nên công tác triển khai thực hiện thực hành tiết kiệm, tiết giảm chi phí của PVPower NT2 đã đạt kết quả tốt và không để xảy ra các vụ việc vi phạm nào.

Kết quả tiết kiệm, tiết giảm chi phí năm 2013: 16.087 triệu đồng, đạt 232% so với kế hoạch tiết kiệm năm 2013.

8. Công tác khác

a. Công tác an sinh xã hội:

PVPower NT2 đã thực hiện thăm hỏi tặng quà thân nhân gia đình CBCNV – LĐ khi ốm đau, hoạn nạn hoặc gặp khó khăn...; PVPower NT2 đã tổ chức làm thêm 04 ngày để ủng hộ quỹ tương trợ Dầu khí vào ngày 19/01/2013 và quỹ vì thế hệ trẻ Dầu khí vào ngày 30/03/2013, quỹ nghĩa tình đồng đội vào ngày 20/07/2013 và ủng hộ đồng bào bị thiên tai, lũ lụt vào ngày 26/10/2013.

b. Công tác đoàn thể:

- Ngày 06/02/2013, Lãnh đạo PVPower NT2 đã tổ chức thăm và chúc Tết Nguyên đán năm 2013 toàn thể CBCNV Công ty tại khu nhà công vụ 12 tầng; Ngày 28/02/2012, Lãnh đạo PV Power đã tổ chức gặp mặt đầu năm mừng xuân Quý tỵ 2013 cho toàn thể CBCNV;
- PVPower NT2 đã tổ chức kỷ niệm 103 năm ngày Quốc tế phụ nữ (ngày 8/03/1910 đến ngày 8/03/2013) cho toàn thể chị em PVPower NT2 với hội thi “Nấu ăn và cắm hoa nghệ thuật” nhằm tôn vinh vẻ đẹp, tinh thần lao động đầy nhiệt huyết của phụ nữ PV Power NT2 nói riêng và phụ nữ Việt Nam nói chung đã thành công tốt đẹp;
- Ngày 26/03/2013, PVPower NT2 đã tổ chức kỷ niệm 82 năm Ngày thành lập đoàn TNCS Hồ Chí Minh;
- Ngày 10/05/2013, PVPower NT2 đã tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên năm 2013;
- Ngày 16/05/2013, PVPower NT2 đã tham dự Hội thi với chủ đề “Phụ nữ Dầu khí với văn hóa ẩm thực” do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tổ chức tại Vũng Tàu;
- Ngày 19/5/2013, PVPower NT2 đã tổ chức trọng thể Lễ kỷ niệm 123 năm ngày sinh



chủ tịch Hồ Chí Minh và phát động trồng cây nhớ ơn Bác; sơ kết 02 năm thực hiện chỉ thị số 03-CT/TW của Bộ Chính trị, triển khai “Tháng công nhân” và hưởng ứng Ngày môi trường Thế Giới;

- Ngày 22/08/2013, PV Power tổ chức tập huấn nghiệp vụ công tác công đoàn, Bộ luật Lao động khu vực phí nam tại PVPower NT2;
- Ngày 27/07/2013, Hội cựu chiến binh PVPower NT2 phối hợp tổ chức chuyển tham quan khu căn cứ cách mạng, thăm và tặng quà cho thương binh nặng tại Long Hải, Bà Rịa Vũng Tàu; Ngày 11-14/09/2013, Hội cựu chiến binh PVPower NT2 tham gia chuyển công tác về nguồn năm 2013 tại Quảng Ngãi do PV Power tổ chức;
- Tham gia hội thi tay nghề Dầu khí lần III vào ngày 21-25/11/2013.

9. Kết luận

Dự án đầu tư Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2 được phê duyệt tại Quyết định số 02/CPNT2-HĐQT ngày 16/01/2008 và được Bộ Công thương thẩm định thì tính đến năm thứ 9 - năm 2018 (không tính đến doanh thu CDM khoảng 2,4 Tr.USD/năm) thì nhà máy mới bắt đầu có lãi. Nhưng do sự nỗ lực, quyết tâm cao của Ban lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV Công ty, sự chỉ đạo và hỗ trợ kịp thời của Tổng Công ty, Tập đoàn và các cổ đông, Công ty đã vượt qua khó khăn, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ kế hoạch năm 2013 với các chỉ tiêu chính đạt được như sau:

- Sản lượng điện thương mại của Công ty đạt 112% kế hoạch sản xuất điện năm 2013;
- Tổng doanh thu năm 2013 đạt 114%;
- Hoàn thành tốt công tác tiêu thụ Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2 kể từ 28/04/2013 đến ngày 07/05/2013 đã hoàn thành đúng tiến độ và công suất các tổ máy sau tiêu thụ tăng thêm 2 MWh;
- Ngày 25/09/2013: Đạt mức sản lượng điện 10 tỷ KWh;
- Ngày 22/11/2013: Hoàn thành kế hoạch về đích trước 40 ngày đảm bảo an toàn tuyệt đối.
- Công tác tham gia thị trường điện cạnh tranh đạt kết quả tích cực làm chủ tình hình và đạt được hiệu quả về sản lượng cũng như lợi nhuận khi tham gia thị trường phát điện cạnh tranh;
- Hoàn thành quyết toán đầu tư xây dựng Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2;
- Hoàn tất đàm phán và ký tắt phụ lục Hợp đồng mua bán điện PPA giá chính thức.

Đánh giá tổng thể kết quả hoạt động SXKD điện năm 2013, Công ty nhận thức được những thuận lợi và khó khăn chủ yếu như sau:

a. Về thuận lợi:

- Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 là công trình nhiệt điện lớn đóng vai trò quan trọng trong hệ thống điện quốc gia, đặc biệt là khu vực miền Đông Nam Bộ nên được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của cấp trên và các cổ đông của Công ty;
- Yếu tố cơ bản để Công ty đạt được hiệu quả trong quá trình hoạt động SXKD năm 2013 là do nhà máy điện Nhơn Trạch 2 được thiết kế và xây dựng tốt, có hiệu suất

cao, khả năng vận hành linh hoạt, tin cậy với độ khả dụng cao. Đặc biệt, PVPower NT2 đã luôn tiếp thu rút kinh nghiệm từ các nhà máy điện Phú Mỹ, Cà Mau 1 và Cà Mau 2 về các vấn đề kỹ thuật của các nhà máy nêu trên có thể đem áp dụng vào trong quá trình vận hành, bảo dưỡng sửa chữa nhà máy điện Nhơn Trạch 2 hiệu quả. Với công nghệ hiện đại, tiên tiến, Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 có khả năng thay đổi phụ tải trong dải công suất rất rộng, lên đến vài trăm MW một cách nhanh chóng, đây là tính năng không phải nhà máy điện nào cũng có được. Khả năng nói trên của nhà máy đặc biệt quan trọng khi tham gia vào thị trường phát điện cạnh tranh do góp phần ổn định hệ thống điện Quốc gia. Nhờ vậy, từ khi tham gia thị trường phát điện cạnh tranh đến nay với giá bán tạm tính, nhưng bước đầu nhà máy đã đạt được những kết quả rất đáng khích lệ.

b. Về khó khăn:

- Hiện nay, PVPower NT2 vẫn không được hưởng cùng mặt bằng giá khí với giá khí cấp cho các nhà máy điện của EVN trong khu vực miền Đông Nam bộ sử dụng cùng nguồn khí Nam Côn Sơn, dẫn đến bất bình đẳng khi tham gia thị trường phát điện cạnh tranh;
- Do năm 2013 phụ tải hệ thống điện thấp hơn so với dự báo, giá thị trường điện thấp và phải cạnh tranh khốc liệt với các nhà máy điện khác khiến cho việc chào giá bán điện với mục tiêu vừa đảm bảo lợi nhuận vừa vận hành ổn định gặp rất nhiều khó khăn;
- Hiện nay xu hướng xã hội hóa ngành điện là tất yếu nhưng hiện tại Việt Nam chưa có thị trường cạnh tranh đầy đủ do các quy định về thị trường còn chưa đồng bộ, chưa được cập nhật đầy đủ và hay thay đổi. Hiện nay việc tăng giá điện mới chỉ liên quan đến giá bán lẻ của EVN, còn giá bán buôn đang bị hạn chế, do các yếu tố đầu vào để tính giá phát điện của các nhà máy điện đặc biệt là chi phí O&M của các Nhà máy điện tua bin khí, vấn đề tỷ giá, lãi suất, tỷ suất lợi nhuận IRR... chưa được tính đúng, tính đủ, dẫn đến tiến độ đàm phán Hợp đồng mua bán điện với giá chính thức bị chậm trễ, kéo dài gặp rất nhiều khó khăn vướng mắc lớn mà chưa thể giải quyết ngay;
- Giá điện tạm tính như hiện nay dẫn đến Công ty có thể sẽ mất cân đối tài chính trong năm 2014 do đã hết thời gian bảo hành, chi phí bảo dưỡng sửa chữa tăng cao.

II. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

Thực hiện chương trình hành động số 363/CTr-ĐLĐK ngày 26/02/2013 của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam, chương trình hành động số 1096/Ctr-DKVN ngày 08/02/2013 của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, Nghị Quyết số 01/NQ-CP ngày 07/01/2013 của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2013, PVPower NT2 đã triển khai thực hiện như sau:

- Tập trung chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả, an toàn và tiết kiệm;
- Chú trọng và tập trung nâng cao hiệu quả công tác chào giá trên thị trường phát điện cạnh tranh;



- Ký Hợp đồng mua bán điện theo giá chính thức cho Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2;
- Luôn phối hợp chặt chẽ, tăng cường quan hệ với EVN/A0/EPTC, PVGas, PVPS và các đơn vị liên quan nhằm đảm bảo công tác sản xuất và huy động tối đa công suất của nhà máy;
- Luôn tích cực và chủ động phối hợp với PVGas trong công tác cung cấp nhiên liệu khí, PVPS trong công tác bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên và xử lý sự cố;
- Luôn tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nhằm phát hiện và chấn chỉnh kịp thời các tồn tại trong công tác sản xuất kinh doanh nhằm đạt hiệu quả cao nhất; luôn tăng cường thực hiện nghiên cứu và áp dụng các giải pháp tiết kiệm năng lượng tại nhà máy mang lại hiệu quả kinh tế và bảo vệ môi trường;
- Luôn tăng cường công tác quản lý kỹ thuật (quản lý vận hành, quản lý bảo dưỡng sửa chữa, quản lý sự cố, khắc phục các tồn tại, ...), công tác giám sát An toàn - Sức khỏe - Môi trường để đảm bảo vận hành an toàn và hiệu quả Nhà máy điện Nhơn Trạch 2;
- Nghiêm túc triển khai thực hiện việc tiết kiệm chống lãng phí trong Công ty.

III. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 233/NQ-ĐU NGÀY 17/03/2009 CỦA ĐẢNG ỦY TẬP ĐOÀN VỀ TĂNG CƯỜNG ƯU TIÊN SỬ DỤNG DỊCH VỤ/HÀNG HÓA TRONG NGÀNH, TRONG NƯỚC PHỤC VỤ CÁC HOẠT ĐỘNG DẦU KHÍ

Từ đầu năm đến nay, PVPower NT2 đã vận dụng Nghị quyết số 233/NQ-ĐU ngày 17/03/2009 của Đảng ủy Tập đoàn để ưu tiên lựa chọn các đơn vị cung cấp trong ngành phục vụ hoạt động SXKD như sau :

- Ngày 30/05/2013, Ký hợp đồng Bảo hiểm vận hành Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2 với Tổng Công ty Bảo hiểm PVI;
- Ngày 19/06/2013, ký Hợp đồng mua sắm hóa chất Clo lỏng phục vụ sản xuất;
- Các dịch vụ khác như: Bảo hiểm tai nạn con người và bảo hiểm xe cơ giới cũng được PVPower NT2 ký Hợp đồng với Công ty Bảo hiểm PVI;
- Tiếp tục sử dụng nhiên liệu phục vụ vận hành Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2: Công ty đang sử dụng nhiên liệu khí theo Hợp đồng Mua bán khí cho Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2 được ký ngày 06/04/2010 với Tổng công ty khí Việt Nam;
- Tiếp tục sử dụng dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2: Công ty đang sử dụng công tác bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy theo Hợp đồng công tác bảo trì, sửa chữa Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2 trong giai đoạn 100.000 EOH đầu tiên được ký ngày 14/09/2011 với Công ty Cổ phần dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí (PV Power Services);
- Tiếp tục sử dụng nhiên liệu phục vụ xe chuyên dụng và ô tô chạy bằng dầu Diesel với Công ty Cổ phần Dầu khí Thái Bình Dương;
- Tiếp tục sử dụng dịch vụ quản lý theo Hợp đồng số 637/2011/HĐTV/PVPower ký ngày 05/10/2011 với PVPower và sử dụng dịch vụ quyền sử dụng Nhãn hiệu Tập đoàn theo Hợp đồng quyền sử dụng Nhãn hiệu Tập đoàn được ký ngày 31/01/2012 với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

IV. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2014

A. CƠ SỞ PHÁP LÝ:

- Quyết định số 290/QĐ-CPNT2 ngày 15/10/2012 của PVPower NT2 về việc phê duyệt ban hành quy trình quản lý công tác kế hoạch PVPower NT2;
- Nghị quyết số 09/NQ-ĐLDK-HĐTV ngày 23/01/2014 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam về việc thông qua kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014 của Công ty mẹ và các đơn vị thành viên của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam;
- Chương trình phát động số 263/CTr-ĐLDK ngày 17/02/2014 về việc phát động thi đua quyết tâm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ SXKD năm 2014;
- Dựa trên dự báo tình hình Kinh tế xã hội năm 2014, kết quả SXKD trong năm 2013.

B. MỤC TIÊU

- Tập trung chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh tiết kiệm, hiệu quả, an toàn trong thị trường phát điện cạnh tranh;
- Công tác trung tu mở rộng các tổ máy (GT5, GT6) và tiêu tu tổ máy ST4 hoàn thành tốt đúng tiến độ đề ra và đảm bảo độ an toàn, tin cậy, tăng công suất và giảm suất hao nhiệt;
- Ký Hợp đồng mua bán điện với giá điện chính thức cho Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2;
- Phối hợp chặt chẽ, tăng cường quan hệ với EVN/A0/EPTC, PVGas, PVPS và các đơn vị liên quan nhằm đảm bảo công tác vận hành nhà máy liên tục an toàn, hiệu quả;
- Đảm bảo cân đối dòng tiền đáp ứng nhu cầu thanh toán trả nợ vay;
- Tiếp tục triển khai hệ thống CMMS/mã vạch phục vụ quản lý vật tư, quản lý tài sản Công ty; triển khai thay đổi hệ thống lọc gió tua bin khí NMD NT2 từ hệ thống lọc Camfil Far (hiện hữu) thành hệ thống lọc FPA; Triển khai công tác mua bảo hiểm tài sản gián đoạn SXKD; triển khai thực hiện công tác xây dựng hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO 14001 và OHSAS 18001;
- Thực hiện công tác mua sắm vật tư phục vụ sản xuất, vật tư phục vụ sửa chữa bảo dưỡng/dự phòng và các trang thiết bị khác theo đúng quy chế/quy định;
- Tiếp tục bổ sung hoàn thiện các quy trình/quy phạm trong việc quản lý vận hành nhà máy, các quy định quản lý nội bộ;
- Tiếp tục kiện toàn bộ máy và làm chủ công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả vận hành/bảo dưỡng/sửa chữa Nhà máy;
- Đẩy mạnh công tác đào tạo chuyên sâu và nâng cao năng lực phục vụ công tác quản lý. Tăng cường các khóa đào tạo Quản lý kỹ thuật, thị trường phát điện cạnh tranh cho các bên trực tiếp vận hành;
- Đẩy mạnh phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến khoa học kỹ thuật áp dụng vào thực tiễn sản xuất, chú trọng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao;



- Nghiêm túc triển khai thực hiện việc tiết kiệm chống lãng phí trong Công ty;
- Tích cực thực hiện công tác an sinh xã hội; Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong Công ty;
- Xây dựng và thực hiện thành công văn hóa doanh nghiệp;
- Thực hiện các mục tiêu nhiệm vụ khác.

C. KẾ HOẠCH CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH

1. Kế hoạch chỉ tiêu sản lượng

- Sản lượng điện thương mại năm 2014: 4.000 Tr.Kwh.
- Khối lượng khí tiêu thụ năm 2014: 718 Tr.Sm3

2. Kế hoạch tài chính

- Tổng doanh thu năm 2014: 5.284.798 Tr.đồng;
- Tổng chi phí năm 2014 chưa bao gồm CLTG: 5.141.801 Tr.đồng;
- Lãi từ hoạt động SXKD năm 2014: 142.997 Tr.đồng;
- Nộp NSNN năm 2014: 147.131 Tr.đồng;

3. Kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa định kỳ:

PVPower NT2 tiến hành trung tu mở rộng các tổ máy (GT5, GT6) và tiểu tu tổ máy ST4 dự kiến vào tháng 05-06/2014.

(Chi tiết tại Biểu 1 đính kèm)

D. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2014

a. Giải pháp triển khai thực hiện tốt hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Quán triệt và thực hiện tốt các chủ trương, chỉ đạo của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam;
- Phối hợp chặt chẽ, tăng cường quan hệ với EVN/A0/EPTC, PVGas và các đơn vị liên quan nhằm đảm bảo công tác vận hành diễn ra đúng kế hoạch, đạt chất lượng và đúng tiến độ;
- Tăng cường công tác quản lý về kỹ thuật (tuân thủ nghiêm ngặt và cập nhật liên tục các quy trình hoạt động vận hành, khắc phục và điều tra rút kinh nghiệm sự cố...);
- Tổ chức thực hiện công tác diễn tập PCCC hằng quý đúng kế hoạch; Tăng cường công tác giám sát An ninh trật tự, An toàn – Sức khỏe - Môi trường để đảm bảo vận hành Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 an toàn và hiệu quả;
- Chủ động xử lý các bất thường thiết bị trong lúc vận hành bình thường, khi có sự cố xảy ra nhanh chóng kiểm tra, xử lý khôi phục lại các tổ máy đưa vào vận hành một cách nhanh nhất;
- Chủ động lập phương án ngăn ngừa, xử lý các sự cố có thể xảy ra, đặc biệt là các sự cố dẫn đến việc giảm công suất hoặc phải ngừng máy trong quá trình vận hành các tổ máy; Thường xuyên cập nhật theo dõi, rút kinh nghiệm, khuyến khích các giải pháp cải tiến kỹ thuật trong quá trình vận hành sản xuất;

- Thường xuyên báo cáo với PV Power kịp thời xử lý, tháo gỡ mọi khó khăn vướng mắc trong quá trình xây dựng dự án và hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo an toàn, bảo vệ môi trường sinh thái nhằm mục tiêu phát triển hiệu quả và bền vững.

b. Giải pháp về tăng cường công tác quản lý kỹ thuật, vận hành:

- Công tác quản lý vận hành: Thường xuyên tăng cường công tác giám sát tại hiện trường để kiểm tra tình hình vận hành;
- Tăng cường phối hợp với PVGas, PVPS trong công tác cung cấp nhiên liệu và công tác bảo dưỡng, công tác trung tu các tổ máy để giảm thiểu nguy cơ bất thường có thể phát sinh sự cố của Nhà máy điện Nhơn Trạch 2;
- Tăng cường công tác theo dõi, thống kê các thông số liên quan tới vận hành sản xuất điện hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng để tổng hợp và lập báo cáo theo dõi các định mức, thông số vận hành để có cơ sở rà soát và đánh giá các thông số đã thực hiện được đưa ra các giải pháp, phương thức vận hành phù hợp.

c. Giải pháp về tổ chức đào tạo và phát triển nguồn nhân lực:

- Bổ sung và kiện toàn bộ máy tổ chức và thiết lập hệ thống quản lý, điều hành hoạt động đồng bộ để phát triển cho phù hợp với nhu cầu công việc của Công ty lấy hiệu quả làm đầu;
- Đẩy mạnh công tác đào tạo nâng cao kỹ năng, năng lực vận hành theo các chuyên ngành và chuyên đề. Mỗi vận hành viên (VHV) có thể đảm trách được nhiều cương vị để tăng cường kỹ năng cho các VHV có thể thay thế trong các vị trí vận hành; Đẩy mạnh công tác đào tạo chuyên sâu và nâng cao năng lực phục vụ công tác quản lý; Tăng cường các khóa đào tạo Quản lý kỹ thuật, thị trường điện phát điện cạnh tranh cho các bên trực tiếp vận hành;
- Trong phát triển kinh doanh luôn chú trọng công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật, công nhân lành nghề, có kế hoạch đào tạo bổ sung, dự phòng cho ngành nghề chuẩn bị đầu tư nhằm chủ động về nhân lực cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty;
- Đào tạo nhân lực theo hướng vừa tập trung vừa chuyên sâu phát triển đồng bộ với tiềm năng khoa học, công nghệ, ứng dụng và cải tiến công nghệ nước ngoài, áp dụng vào hoạt động sản xuất của Công ty;
- Khuyến khích CBCNV hoạt động nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ mới sáng kiến cải tiến kỹ thuật vào trong hoạt động sản xuất.

d. Giải pháp tăng cường công tác Quản lý:

- Sớm ký kết Hợp đồng mua bán điện theo giá chính thức cho Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2
- Tiếp tục xây dựng và hoàn chỉnh các quy chế, quy định, ... tạo khung cho pháp lý phục vụ công tác quản lý, điều hành theo nguyên tắc minh bạch, phù hợp và dễ áp dụng;
- Tiếp tục phát huy thành tích về mặt tài chính sử dụng vốn một cách minh bạch, hiệu quả nhất, tiết kiệm và chống lãng phí;



- Tăng cường công tác quản lý giá thành sản xuất điện thông qua việc áp dụng các định mức kinh tế kỹ thuật nhằm quản lý chặt chẽ, tiết kiệm các khoản chi phí trong hoạt động Sản xuất kinh doanh;
- Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra trong tất cả các khâu, khuyến khích tất cả CBCNV tham gia đóng góp ý kiến để cải tiến phương thức quản lý điều hành ở các cấp;
- Tăng cường sử dụng dịch vụ trên cơ sở phát huy và tận dụng tối đa cơ sở vật chất, hạ tầng sẵn có;
- Áp dụng công nghệ tin học, các giải pháp, phần mềm quản lý, điều hành tiên tiến và hiện đại;
- Chủ động và kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh về thương mại hợp đồng trong quá trình thực hiện;
- Chủ động việc thanh toán tiền bán điện và mua khí hàng tháng với EVN và PV Gas đúng tiến độ.

e. Giải pháp về phát huy nội lực, ưu tiên sử dụng dịch vụ trong ngành:

- Đẩy mạnh tổ chức thực hiện nhằm nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh và vận dụng sáng tạo tinh thần Nghị quyết 233/NQ-ĐU ngày 17/03/2009 của Ban chấp hành Đảng Bộ Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam về phát huy nội lực, tăng cường và ưu tiên sử dụng các dịch vụ của đơn vị trong Tập đoàn phù hợp với tình hình mới;
- Tăng cường phối hợp, chủ động thỏa thuận hợp tác với các đơn vị trong Tập đoàn nhằm tận dụng, phát huy tối đa lợi thế sẵn có của nhau trên tinh thần hợp tác đôi bên cùng có lợi, cùng nhau phát triển bền vững.

f. Giải pháp về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:

- Tiếp tục theo dõi, cập nhật các định mức kinh tế kỹ thuật về tiêu hao nguyên, nhiên, vật liệu, năng lượng; định mức khai thác và sử dụng máy móc, thiết bị; định mức công tác quản lý: chỉ tiêu, sử dụng xe ô tô, điện thoại, trang thiết bị, tài sản...; định mức lao động, tiền lương theo hướng quản lý chặt chẽ nhằm hạ giá thành sản phẩm, tăng năng suất lao động, nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường;
- Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý chi phí tại tất cả các phòng, phân xưởng và thường xuyên kiểm tra giám sát để chấn chỉnh kịp thời các chỉ tiêu bất hợp lý;
- Cũ cán bộ đi công tác đúng đối tượng, đúng số lượng.

g. Giải pháp đẩy mạnh công tác nghiên cứu và ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tăng doanh thu cho Công ty:

- Chú trọng, hỗ trợ và tạo mọi điều kiện để tất cả CBCNV đều tham gia nghiên cứu, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất. Đẩy mạnh các phòng trào thi đua sáng tạo, cải tiến kỹ thuật đồng thời nhanh chóng đưa các sáng kiến cải tiến áp dụng vào thực tế;

- Mạnh dạn thực hiện các thử nghiệm các đề xuất, các nguyên tắc đảm bảo an toàn và không làm ảnh hưởng đến sản xuất;
- Tiếp tục thực hiện nghiên cứu và áp dụng các giải pháp tiết kiệm năng lượng tại Nhà máy nhằm nâng cao hiệu quả việc khai thác, chế biến và sử dụng năng lượng, vừa mang lại hiệu quả kinh tế và bảo vệ môi trường;
- Đẩy mạnh công tác xây dựng và ứng dụng chương trình quản lý bảo dưỡng bằng máy tính để hỗ trợ trong quản lý, điều hành sản xuất đạt chất lượng cao.

h. Giải pháp về bảo vệ môi trường:

- Đầu tư vào những công nghệ hiện đại, tiên tiến vừa tiết kiệm năng lượng trong hoạt động sản xuất kinh doanh và đảm bảo môi trường chung cho toàn xã hội;
- Trong đầu tư cũng như trong hoạt động sản xuất kinh doanh, phải đặc biệt quan tâm công tác bảo vệ môi trường nhất là trong thi công xây dựng các dự án và xử lý các khí thải, chất thải công nghiệp.

E. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG NĂM 2014

- Tổ chức Đại hội cổ đông thường niên vào tháng 4/2014;
- Tổ chức kỷ niệm 104 năm ngày Quốc tế phụ nữ (ngày 8/03/1910 đến ngày 8/03/2014) và kỷ niệm 84 năm ngày Phụ nữ Việt Nam (ngày 20/10/1930 đến ngày 20/10/2014) cho toàn thể nữ CBCNV PVPower NT2;
- Tổ chức lễ kỷ niệm 83 năm ngày thành lập đoàn TNCS Hồ Chí Minh (ngày 26/3/1931 – 26/3/2014).;
- Tổ chức trọng thể Lễ kỷ niệm 124 năm ngày sinh chủ tịch Hồ Chí Minh (ngày 19/5/1890-19/5/2014);
- Tổ chức Lễ kỷ niệm 07 năm thành lập (15/06/2007 - 15/06/2014) đánh dấu chặng đường hình thành và phát triển đầy gian nan thử thách góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia và phát triển kinh tế xã hội;
- Tổ chức Hội thao truyền thống người lao động PVPower NT2 dự kiến vào tháng 11/2014;
- Triển khai “Tháng công nhân” và hưởng ứng Ngày môi trường Thế Giới.

V. KIẾN NGHỊ

PVPower NT2 kiến nghị Hội đồng Quản trị có ý kiến với các đơn vị liên quan như sau:

- PVN/PVGas xem xét giải quyết chính sách giá khí đảm bảo công bằng cho Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2 được hưởng giá khí bằng với giá khí cấp cho các Nhà máy điện của EVN trong khu vực thông qua phương án hòa chung giá khí khu vực Nam Côn Sơn để đạt hiệu quả nhất khi tham gia Thị trường điện cạnh tranh;
- Hỗ trợ thúc đẩy EVN/Cục điều tiết sớm phê duyệt giá điện chính thức cho Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2;
- Xem xét hỗ trợ kiến nghị PVN quyết định việc tài trợ kinh phí thực hiện đầu tư xây dựng trường tiểu học tại khu dân cư Long Thọ - Phước An, huyện Nhơn Trạch, tỉnh



Đồng Nai để góp phần vào sự nghiệp xã hội hóa giáo dục của địa phương theo công văn số 1123/UBND-VX ngày 17/06/2009 của UBND huyện Nhơn Trạch.

Trân trọng.

Nơi nhận:

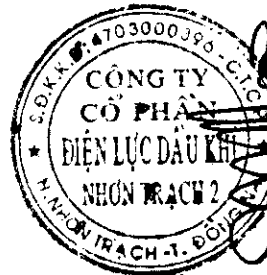
- Như trên;
- Các PGĐ;
- Các phòng chức năng;
- Lưu VT.

Đính kèm:

- Các phụ lục thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013 và kế hoạch 2014.

[Handwritten signatures]

GIÁM ĐỐC



Hoàng Xuân Quốc

[Handwritten signature]

PHỤ LỤC 1:

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2013
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2**

STT	CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2013	THỰC HIỆN NĂM 2013	TỶ LỆ TH SO SÁNH VỚI KH	GHI CHÚ
A	B	C	1	2	3	4
A	VỐN ĐIỀU LỆ	Triệu đồng	2,560,000	2,560,000	100%	
B	KẾ HOẠCH SẢN LƯỢNG					
I	Sản lượng điện thương mại	Tr. Kwh	4,156	4,670	112%	
II	Khối lượng	Triệu Sm3				
1	Khí	Triệu Sm3	752	839	112%	
2	Dầu DO	M3 ở 15oC		713		
C	KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH					
I	Tổng doanh thu	Triệu đồng	5,223,441	5,935,304	114%	
1	Doanh thu từ sản xuất điện	Triệu đồng	5,223,441	5,880,998	113%	
2	Doanh thu, thu nhập khác	Triệu đồng		54,306		
II	Tổng chi phí	Triệu đồng	5,216,189	5,496,803	105%	
1	Chi phí sản xuất điện	Triệu đồng	5,216,189	5,496,597	105%	
2	Chi phí khác	Triệu đồng		206		
III	Lãi (lỗ) từ hoạt động SXKD	Triệu đồng	7,252	438,501		
IV	Chênh lệch tỷ giá	Triệu đồng	-622	-430,281		
V	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	6,631	8,219	124%	
VI	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	6,631	8,219	124%	
VII	Tỷ suất lợi nhuận/Vốn điều lệ	%	0.26%			
VIII	Tỷ lệ chia cổ tức	%				
IX	Các khoản phải nộp NSNN	Triệu đồng	166,783	168,400	101%	
C	KH LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG					
1	Lao động định biên	Người	181	172	95%	
2	Lao động bình quân	Người	181	171	94%	

PHỤ LỤC 2:

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DOANH THU SXKD NĂM 2013
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2**

STT	CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2013	THỰC HIỆN NĂM 2013	TỶ LỆ TH SO SÁNH VỚI KH	GHI CHÚ
A.	Tổng doanh thu (II+III)	Triệu đồng	5,223,441.20	5,935,304	114%	
I.	Sản lượng điện thương mại	Tr. kWh	4,155.99	4,670.07	112%	
II.	Doanh thu bán điện	Triệu đồng	5,223,441.20	5,880,998	113%	
III	Doanh thu khác	Triệu đồng	-	54,306		

PHỤ LỤC 3:

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHI PHÍ SẢN XUẤT ĐIỆN NĂM 2013
CỦA CÔNG TY CP ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2**

STT	CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2013	THỰC HIỆN NĂM 2013	TỶ LỆ TH SO SÁNH VỚI KH	GHI CHÚ
A	B	C	I	2	3	4
	Tổng chi phí	Triệu đồng	5,216,189	5,496,803	105%	
A	Chi phí sản xuất điện	Triệu đồng	5,216,189	5,496,597	105%	
I	Chi phí BĐ bình quân	Triệu đồng	3,199,775	3,616,921	113%	
1	Nhiên liệu	Triệu đồng	3,164,397	3,574,890	113%	
2	O&M biến đổi	Triệu đồng	30,338	32,045	106%	
3	Nhiên liệu khởi động	Triệu đồng	5,040	9,987	198%	
II	Chi phí cố định bình quân	Triệu đồng	2,016,414	1,879,676	93%	
1	Phí công suất	Triệu đồng	1,490,566	1,370,153	92%	
2	O&M cố định	Triệu đồng	525,848	509,523	97%	
B	Chi phí khác	Triệu đồng	-	206		

PHỤ LỤC 4

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2014
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2014					Ghi chú
			Tổng số	Quý I	Quý II	Quý III	Quý VI	
A	B	C	I	2	3	4	5	6
A	VỐN ĐIỀU LỆ	Triệu đồng	2,560,000					
B	KẾ HOẠCH SẢN LƯỢNG							
I	Sản lượng điện thương mại	Tr. Kwh	4,000	1,114.08	712.79	969.11	1,204.03	
II	Khối lượng khí tiêu thụ	Triệu Sm3	718.42	200.09	128.02	174.06	216.25	
C	KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH							
I	Tổng doanh thu	Triệu đồng	5,284,798	1,414,803	942,739	1,360,916	1,566,340	
1	Doanh thu từ sản xuất điện	"	5,284,798	1,414,803	942,739	1,360,916	1,566,340	
2	Doanh thu từ dịch vụ khác	"	0	0	0	0	0	
II	Tổng chi phí	Triệu đồng	5,141,801	1,359,979	1,063,732	1,266,242	1,451,847	
1	Chi phí sản xuất điện	"	5,141,801	1,359,979	1,063,732	1,266,242	1,451,847	
III	Lãi (lỗ) từ hoạt động SXKD	Triệu đồng	142,997	54,824	(120,994)	94,674	114,493	
IV	Chênh lệch tỷ giá	Triệu đồng	(135,321)	(33,830)	(33,830)	(33,830)	(33,830)	
1	Chênh lệch tỷ giá trong đầu tư	"	(114,000)					
2	Chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	"	(2,244)					
3	Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	"	(19,077)					
V	Xử lý tài chính	Triệu đồng						
1	Lợi nhuận trước thuế	"	7,676	20,994	(154,824)	60,844	80,663	
2	Lợi nhuận sau thuế	"	7,676	20,994	(154,824)	60,844	80,663	
IX	Nộp ngân sách	Triệu đồng	147,131	38,221	27,649	36,765	44,495	
D	KẾ HOẠCH MUA SẴM TSCĐ, TTB...	Triệu đồng	135,508					
I	Đầu tư phần mềm quản lý phục vụ SXKD	Triệu đồng	6,237					
II	Mua sắm thiết bị phục vụ SX, trang thiết bị văn phòng		2,000					
1	TSCĐ là thiết bị phục vụ sản xuất	Triệu đồng	1,500					
2	Công cụ dụng cụ	Triệu đồng	100					
3	Trang thiết bị văn phòng	Triệu đồng	400					
III	Mua sắm vật tư SCBD, dự phòng, thường xuyên, tiêu hao, định kỳ...	Triệu đồng	127,271					
E	CÁC CHỈ TIÊU KHÁC							
I	Kế hoạch lao động tiền lương							
1	Lao động định biên	Người	181					
2	Lao động bình quân	Người	181					
3	Năng suất lao động bình quân	Tr đồng/ng/tháng	2,433					
II	Kế hoạch đào tạo							
1	Kế hoạch đào tạo	Lượt	435					
2	Kinh phí đào tạo	Triệu đồng	4,584					

Ghi chú:

- Tỷ giá ngoại tệ quy đổi là:

1 USD = 21,000 VNĐ

1 EUR = 27,500 VNĐ

TY
AT
DAU
KACE

PHỤ LỤC 5

KẾ HOẠCH CHI PHÍ SẢN XUẤT ĐIỆN NĂM 2014
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2014					Ghi chú
			Tổng số	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	
	Tổng chi phí	Triệu đồng	5,141,801	1,359,979	1,063,732	1,266,242	1,451,847	
	Chi phí sản xuất điện	Triệu đồng	5,141,801	1,359,979	1,063,732	1,266,242	1,451,847	
I	Chi phí BĐ bình quân	Triệu đồng	3,180,811	869,732	573,485	775,995	961,600	
1	Nhiên liệu (khí)	Triệu đồng	3,139,467	859,396	563,149	765,659	951,264	
2	O&M biến đổi	Triệu đồng	31,264	7,816	7,816	7,816	7,816	
3	Nhiên liệu khởi động	Triệu đồng	10,080	2,520	2,520	2,520	2,520	
II	Chi phí cố định bình quân	Triệu đồng	1,960,990	490,247	490,247	490,247	490,247	
1	Phí công suất	Triệu đồng	1,376,908	344,227	344,227	344,227	344,227	
2	O&M cố định	Triệu đồng	584,081	146,020	146,020	146,020	146,020	

CHAI 300

BÁO CÁO

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT NĂM 2013

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

I. Các căn cứ:

Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 được sửa đổi lần 6 theo Nghị quyết số 04/NQ - CPNT2 ngày 10 tháng 5 năm 2013 của Đại hội đồng cổ đông;

Quy chế quản trị của Công ty CP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 ban hành theo Quyết định số 22/QĐ-CPNT2 ngày 27/4/2011;

Quy chế Hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 do Đại hội đồng Cổ đông ban hành ngày 06/7/2009;

Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán năm 2012 và 2013;

II. Kết quả thực hiện kiểm soát năm 2013:

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 xin Kính trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo tình hình kiểm tra, kiểm soát việc tổ chức hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh và quản lý tài chính năm 2013 tại Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 với các nội dung sau:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2013, Công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch được đại hội đồng cổ đông phê duyệt, sản lượng đạt được 4.670 triệu Kwh đạt 112% kế hoạch.

Tỷ lệ doanh thu, chi phí, lợi nhuận thực hiện năm 2013 so với năm 2012 và so với kế hoạch năm 2013:

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2013	Thực hiện		Tỷ lệ tăng trưởng so với năm trước	Tỷ lệ HT so với kế hoạch 2013 (%)
		Năm 2012	Năm 2013		
1	2	3	4	5 = (4-3)/3	6 = 4/2
1. Tổng doanh thu	5.223.441	5.574.480	5.935.303	6,47%	113,63%
Doanh thu từ sản xuất điện	5.223.441	5.450.715	5.880.998	7,89%	112,59%
Doanh thu từ hoạt động TC		95.425	52.969	-44,49%	
Thu nhập khác		28.340	1.336		
2. Tổng chi phí	5.216.811	5.566.798	5.927.084	6,47%	113,62%
Chi phí sản xuất điện	4.791.387	4.874.274	5.140.299	5,46%	107,28%
Chi phí tài chính	425.424	658.370	786.579	19,47%	184,89%
Chi phí khác		34.154	206		
3. Lợi nhuận trước thuế	6.630	7.682	8.219	6,99%	123,97%
4. Lợi nhuận sau thuế	6.630	7.682	8.219	6,99%	123,97%

Nhận xét:

Năm 2013 Công ty đã vận hành nhà máy an toàn, hiệu quả. Công ty cũng đã có nhiều nỗ lực trong công tác chào giá thị trường điện và đã đạt kết quả tốt: doanh thu sản xuất điện tăng 112,59% so với kế hoạch trong khi chi phí sản xuất điện tăng 107,28%. Kết quả này cũng thể hiện công ty đã thực hiện tốt công tác quản trị chi phí.

Chi phí tài chính năm 2013 tăng đột biến do chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại khoản vay dài hạn có gốc ngoại tệ. Tỷ giá EUR của Ngân hàng Vietcombank-Hội sở chính ngày 31/12/2013 là 28.889,74 VNĐ/EUR tăng 1.518,79 VNĐ/EUR so với tỷ giá ngày 31/12/2012 (27.370,95 VNĐ/EUR), tỷ giá USD tại ngày 31/12/2013 là 21.085 VNĐ/USD tăng 270 VNĐ/USD so với tỷ giá tại ngày 31/12/2012 (20.815 VNĐ/USD) làm cho khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại khoản vay dài hạn có gốc ngoại tệ tại ngày 31/12/2013 tăng lên 280,7 tỷ đồng.

2. Tổ chức bộ máy, tổ chức nhân sự, công tác tuyển dụng và sử dụng lao động:

Tính đến ngày 31/12/2013 tổng số nhân sự của Công ty là 172 lao động.

Trong năm 2013 Công ty tuyển dụng thêm 06 lao động và giảm 03 lao động (xin chuyển công tác).

Công ty đã bổ nhiệm 01 phó giám đốc và 03 trưởng, phó phòng. Công ty cũng đã tổ chức nghiêm túc các đợt thi tuyển và công nhận độc lập cương vị.

Nhìn chung công tác tuyển dụng, bổ nhiệm của Công ty đã tuân thủ đúng quy định về công tác tổ chức cán bộ cũng như tuân thủ đúng quy trình tuyển dụng đã ban hành.

3. Công tác quyết toán dự án:

Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 đã được Đại hội cổ đông phê duyệt vào ngày 10/5/2013.

4. Thẩm định báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty CP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2:

Qua nghiên cứu báo cáo tài chính năm 2013 và các hồ sơ có liên quan, Ban kiểm soát cũng thống nhất với số liệu báo cáo tài chính. Việc mở sổ kế toán, ghi nhận, phân loại các nội dung kinh tế Công ty đã tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành. Tình hình tài chính của Công ty là lành mạnh, chi tiết:

a. Về vốn chủ sở hữu:

Vốn chủ sở hữu của Công ty vào thời điểm 31/12/2013 là 2.787.675.656.716 đồng tăng so với đầu năm 2013 là 5.225.243.213 đồng.

b. Về tài sản:

Tổng tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2013 là 12.186.178.877.306 đồng giảm 9,64% so với thời điểm đầu năm 2013, do một số nguyên nhân sau:

- + **Tài sản ngắn hạn giảm 96 tỷ (giảm 4,54 %) so với đầu năm:**
 - Đầu tư tài chính ngắn hạn giảm 50,19%
 - Các khoản phải thu ngắn hạn tăng 8,2%
 - Hàng tồn kho tăng 19,7%
- + **Tài sản dài hạn giảm 1.203,7 tỷ (giảm 10,59%) so với đầu năm:**
 - Tài sản cố định giảm 9,7% so với thời điểm 31/12/2012 do phân khấu hao lũy kế tăng lên 957,2 tỷ.
 - Tài sản dài hạn khác giảm 17,77 %

c. Về nợ phải trả:

So với thời điểm 01/01/2013, nợ phải trả giảm 12,19%, cụ thể do:

- Nợ dài hạn giảm 857,3 tỷ (giảm 10,49%) do Công ty đã trả nợ gốc và lãi một số khoản vay dài hạn đến hạn.
- Nợ ngắn hạn giảm 17,7% chủ yếu do giảm các khoản phải trả người bán (tiền mua khí và vật tư phụ tùng).

d. Tình hình đầu tư:

Trong năm 2013 Công ty không thực hiện đầu tư mới.

Khoản đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty CP bê tông Công nghệ cao Sopewaco năm 2007 đã được trích lập dự phòng từ năm 2012:

Số cổ phần	Tỷ lệ vốn góp	Giá trị đầu tư	Dự phòng giảm giá đầu tư	Giá trị đầu tư sau khi trích lập
1.114.000	13,93%	11.140.000.000	11.140.000.000	0

Theo báo cáo tài chính của Công ty CP bê tông công nghệ cao Sopewaco khoản lỗ lũy kế đến 30/9/2013 là 146.301.057.800 đồng (vốn điều lệ 80.000.000.000 đồng) nên Công ty đã phải trích lập dự phòng toàn bộ khoản đầu tư tài chính dài hạn trên.

5. Nhận xét tình hình tuân thủ pháp luật và các quy định của Hội đồng Quản trị và Ban giám đốc Công ty:

Qua thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, Ban kiểm soát nhận thấy hoạt động của Hội đồng quản trị, hoạt động điều hành của Ban giám đốc và bộ máy nghiệp vụ của Công ty năm 2013 đã tuân thủ đúng Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Công ty CP Điện lực dầu khí Nhơn Trạch 2 cũng tuân thủ Quy chế quản trị công ty và các quy chế hoạt động đã ban hành.

Trong năm 2013, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành 06 Nghị quyết và 62 Quyết định để chỉ đạo và phê duyệt các vấn đề liên quan đến công tác tổ chức cán bộ, công tác sản xuất kinh doanh của Công ty.

6. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc Công ty:

Ban kiểm soát đã có sự phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

Hội đồng quản trị, Ban giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị, họp

giao ban tuần, và được cung cấp đầy đủ các thông tin liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị của Ban kiểm soát:

Đề nghị các cổ đông đặc biệt là cổ đông chi phối kiến nghị PVN/PV Gas xem xét giải quyết để Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 được hưởng giá khí bằng với giá khí cấp cho các nhà máy điện của EVN trong khu vực nhằm đảm bảo tính cạnh tranh khi tham gia thị trường điện.

Đề nghị các cổ đông hỗ trợ thúc đẩy EVN/Cục điều tiết sớm phê duyệt giá điện chính thức cho Nhà máy.

III. Kế hoạch làm việc của Ban kiểm soát năm 2014:

1. Nội dung công việc:

STT	Thời gian	Nội dung/chủ đề	Ghi chú
1	Quý 1/2014	<ul style="list-style-type: none">- Thẩm tra BCTC năm 2013 và các hoạt động mua sắm đấu thầu thực hiện trong quý IV năm 2013;- Phối hợp cùng đoàn kiểm tra của TCT Điện lực Dầu khí kiểm tra việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013 và kế hoạch SXKD năm 2014 của Công ty	
2	Quý 2/2014	<ul style="list-style-type: none">- Thẩm tra BCTC quý I năm 2014- Phối hợp cùng với Công ty trong việc thực hiện công tác trung tu của nhà máy.	
3	Quý 3/2014	<ul style="list-style-type: none">- Thẩm tra BCTC quý 2 năm 2014;- Kiểm tra và phân tích tình hình thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt;- Kiểm tra việc thực hiện các chỉ tiêu định mức kinh tế kỹ thuật năm 2014	

		và việc thực hiện các chỉ tiêu tiết kiệm (như đã đăng ký).	
4	Quý 4/2014	<ul style="list-style-type: none"> - Thẩm tra BCTC quý 3 năm 2014; - Kiểm tra việc sử dụng quỹ lương, quỹ khen thưởng phúc lợi; - Kiểm tra các gói thầu mua sắm trong năm 2014; - Kiểm tra tình hình thực hiện các Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị; - Tham gia giám sát công tác kiểm kê. 	

Ngoài các nội dung chính trên đây, Ban kiểm soát sẽ thực hiện các nhiệm vụ khác khi có yêu cầu từ các cổ đông hoặc phối hợp làm việc với các đoàn kiểm tra của cổ đông chi phối Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam khi đến kiểm tra tại Công ty.

2. Quyết toán kinh phí năm 2013 và dự toán tiền thù lao Ban kiểm soát năm 2014:

Để thực hiện kế hoạch kiểm soát năm 2014 do Đại hội đồng cổ đông giao cho, Ban kiểm soát kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua:

Quyết toán kinh phí hoạt động năm 2013: tiền thù lao cho kiểm soát viên kiêm nhiệm là 48.000.000 đồng.

Ban kiểm soát kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua tiền thù lao cho kiểm soát viên kiêm nhiệm năm 2014 với mức là 2.000.000 đồng/tháng/người.

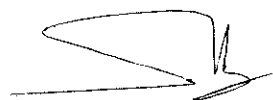
Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐTV PV Power (để b/c);
- KSV chính PV Power (để b/c);
- HĐQT Công ty;
- Ban Tổng giám đốc;
- Lưu: VT, BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN



Nguyễn Thị Hà

PHỤ LỤC 01: MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH
ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

STT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2012
I	Hệ số về khả năng sinh lời		
1	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu ROE	0,29%	0,28%
2	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	0,32%	0,30%
3	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản ROA	0,07%	0,06%
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,14%	0,14%
5	Tỷ lệ lãi gộp/Doanh thu thuần	13,72%	11,57%
II	Các hệ số hoạt động		
1	Vòng quay tổng tài sản (DT/tổng tài sản bq)	0,46	0,39
2	Vòng quay tài sản cố định	0,61	0,51
3	Kỳ thu tiền bình quân (Số ngày/vòng quay các khoản phải thu)	90	86
4	Thời gian phải trả trung bình (Số ngày/vòng quay các khoản phải trả)	81	97
5	Vòng quay vốn lưu động (Giá vốn hàng bán/Vốn lưu động)	2,51	2,32
III	Các hệ số về cơ cấu vốn		
1	Tổng nợ/tổng tài sản	0,77	0,79
2	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	0,23	0,21
3	Hệ số nợ nguồn vốn chủ sở hữu	3,37	3,85
4	Tỷ lệ vay (ngắn hạn và dài hạn) so với vốn chủ sở hữu	3,03	3,36
IV	Các hệ số về khả năng thanh toán		
1	Khả năng thanh toán ngắn hạn	0,97	0,84
2	Khả năng thanh toán nhanh	0,86	0,76

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ
NHON TRẠCH 2**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 28

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Tự Hiếu	Chủ tịch
Ông Hoàng Xuân Quốc	Thành viên
Ông Lương Ngọc Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên
Ông Lê Ngọc Sơn	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Hoàng Xuân Quốc	Giám đốc
Ông Ngô Đức Nhân	Phó Giám đốc
Ông Trần Quang Thiên	Phó Giám đốc
Ông Trần Quang Mẫn	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Hải	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 12 tháng 11 năm 2013)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

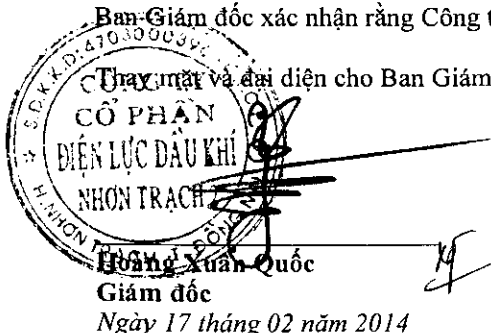
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Tray mặt và đại diện cho Ban Giám đốc.


Hoàng Xuân Quốc
Giám đốc
Ngày 17 tháng 02 năm 2014

Số: 248/VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 17 tháng 02 năm 2014 từ trang 3 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến chính sách ghi nhận doanh thu bán điện của Công ty. Như trình bày tại Thuyết minh số 4 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận doanh thu bán điện dựa theo sản lượng điện giao nhận thực tế và đơn giá tạm tính theo hợp đồng mua bán điện giữa Công ty và Công ty mua bán điện EPTC - Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Các khoản chênh lệch phát sinh sau khi Công ty và Công ty mua bán điện EPTC thống nhất giá bán điện chính thức sẽ được ghi nhận vào kỳ kế toán hiện hành.



Vũ Thị Hòa

Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0138-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Ngày 17 tháng 02 năm 2014

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Trần Kim Long Hải

Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1503-2013-001-1

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên – mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1.983.307.076.501	2.079.395.454.660
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	57.246.674.887	51.718.618.432
1. Tiền	111		57.246.674.887	51.718.618.432
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		246.461.181.788	494.830.189.800
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	246.461.181.788	494.830.189.800
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.449.723.105.340	1.336.929.972.359
1. Phải thu khách hàng	131		35.652.402	-
2. Trả trước cho người bán	132		14.986.171.786	10.927.197.129
3. Các khoản phải thu khác	135	7	1.458.642.323.488	1.335.786.084.080
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	7	(23.941.042.336)	(9.783.308.850)
IV. Hàng tồn kho	140		221.314.057.916	184.895.064.642
1. Hàng tồn kho	141	8	221.314.057.916	184.895.064.642
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.562.056.570	11.021.609.427
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		8.392.414.891	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10.641.679	10.855.109.427
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		159.000.000	166.500.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	200		10.202.871.800.805	11.406.653.801.460
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		38.782.753.000	38.782.753.000
1. Phải thu dài hạn khác	218	9	38.782.753.000	38.782.753.000
II. Tài sản cố định	220		9.137.428.065.305	10.119.388.803.399
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	9.114.093.121.509	10.071.352.606.612
- Nguyên giá	222		11.293.643.448.661	11.269.710.246.911
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.179.550.327.152)	(1.198.357.640.299)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	21.602.554.546	-
- Nguyên giá	228		21.602.554.546	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	1.732.389.250	48.036.196.787
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	13	-	-
1. Đầu tư dài hạn khác	258		11.140.000.000	11.140.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(11.140.000.000)	(11.140.000.000)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		1.026.660.982.500	1.248.482.245.061
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	1.026.660.982.500	1.248.482.245.061
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		12.186.178.877.306	13.486.049.256.120

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
 Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		9.398.503.220.590	10.703.598.842.617
I. Nợ ngắn hạn	310		2.082.537.306.225	2.530.331.354.922
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	1.137.995.154.732	1.167.641.326.901
2. Phải trả người bán	312		27.037.408.723	355.272.478.546
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	13.180.462.995	1.720.928.217
4. Phải trả người lao động	315		14.586.349.906	12.675.270.379
5. Chi phí phải trả	316	17	717.130.892.794	835.737.424.549
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	169.146.428.184	154.341.612.241
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.460.608.891	2.942.314.089
II. Nợ dài hạn	330		7.315.965.914.365	8.173.267.487.695
1. Vay và nợ dài hạn	334	19	7.311.318.981.172	8.168.620.554.502
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		4.646.933.193	4.646.933.193
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400= 410)	400		2.787.675.656.716	2.782.450.413.503
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	2.787.675.656.716	2.782.450.413.503
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		2.560.000.000.000	2.560.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		169.237.381.136	163.455.502.290
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		20.439.881.905	20.055.769.998
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		37.998.393.675	38.939.141.215
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		12.186.178.877.306	13.486.049.256.120

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ

1. Ngoại tệ các loại

USD

EUR

31/12/2013

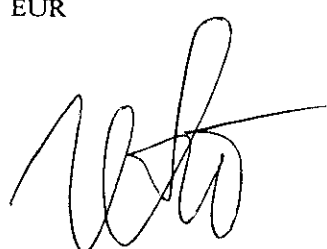
31/12/2012


427,81

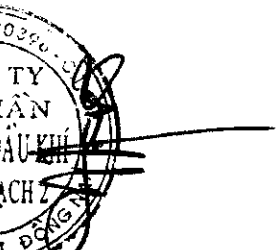
3.210,85

39,75

205,31


 Lê Văn Tú
 Người lập biểu


 Nguyễn Hữu Minh
 Kế toán trưởng


 Hoàng Xuân Quốc
 Giám đốc
 Ngày 17 tháng 02 năm 2014



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 02-DN

Đơn vị: VND

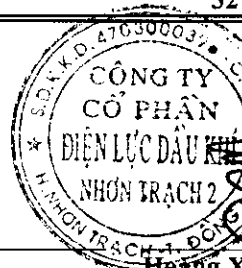
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
1. Doanh thu về bán hàng	01		5.880.997.656.440	5.450.714.689.686
2. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01)	10	22	5.880.997.656.440	5.450.714.689.686
3. Giá vốn hàng bán	11		5.074.176.004.874	4.820.085.413.450
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20 = 10-11)	20		806.821.651.566	630.629.276.236
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	52.969.684.875	95.425.393.285
6. Chi phí tài chính	22	25	786.579.282.601	658.369.931.812
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		266.407.208.913	353.639.672.404
7. Chi phí bán hàng	24		306.283.406	241.095.175
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		65.816.831.398	53.947.734.909
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(24+25))	30		7.088.939.036	13.495.907.625
10. Thu nhập khác	31		1.336.333.839	28.340.388.711
11. Chi phí khác	32		206.055.971	34.154.058.196
12. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động khác (40=31-32)	40		1.130.277.868	(5.813.669.485)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		8.219.216.904	7.682.238.140
14. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	-	-
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.219.216.904	7.682.238.140
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	32	30



Lê Văn Tú
Người lập biểu



Nguyễn Hữu Minh
Kế toán trưởng



Hoàng Xuân Quốc
Giám đốc

Ngày 17 tháng 02 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**Mẫu B 03-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2013	Năm 2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	8.219.216.904	7.682.238.140
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	982.366.934.534	977.683.863.077
Các khoản dự phòng	03	14.157.733.486	20.923.308.850
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	280.693.405.522	56.423.252.789
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(52.961.657.839)	(87.169.525.846)
Chi phí lãi vay	06	266.407.208.913	353.639.672.404
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.498.882.841.520	1.329.182.809.414
Thay đổi các khoản phải thu	09	(119.046.003.813)	(87.532.081.235)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(26.239.043.433)	(867.972.849)
Thay đổi các khoản phải trả	11	(394.015.186.300)	121.572.823.790
Thay đổi chi phí trả trước	12	213.175.045.217	231.483.700.061
Tiền lãi vay đã trả	13	(268.632.635.809)	(360.022.456.131)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(2.211.473.680)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(2.471.200.000)	(3.298.261.341)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	901.653.817.382	1.228.307.088.029
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(11.346.620.732)	(73.482.217.227)
2. Tiền chi cho vay	23	-	(57.028.374.616)
3. Tiền thu hồi cho vay	24	248.369.008.012	-
4. Tiền thu lãi tiền gửi	27	55.908.762.933	86.021.839.939
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	292.931.150.213	(44.488.751.904)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	286.467.044.714	-
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.475.524.131.735)	(1.160.810.359.397)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.189.057.087.021)	(1.160.810.359.397)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	5.527.880.574	23.007.976.728
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	51.718.618.432	28.710.621.943
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	175.881	19.761
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	57.246.674.887	51.718.618.432

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

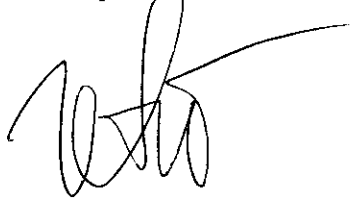
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 351.181.686 đồng (năm 2012: 1.355.761.669 đồng) là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng các khoản phải trả.

Thu lãi tiền gửi từ hoạt động đầu tư trong năm không bao gồm số tiền 647.180.309 đồng (năm 2012: 3.594.285.403 đồng) là số tiền lãi dự thu phát sinh trong năm mà chưa được nhận. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng các khoản phải thu.

Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm số tiền 16.402.014.332 đồng (năm 2012: 18.240.826.111 đồng) là số tiền lãi phải trả chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng các khoản phải trả.



Lê Văn Tú
Người lập biểu



Nguyễn Hữu Minh
Kế toán trưởng



Hoàng Xuân Quốc
Giám đốc

Ngày 17 tháng 02 năm 2014

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4703000396 ngày 20 tháng 6 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 3600897316 ngày 12 tháng 9 năm 2012.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 172 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 165 người).

Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Bán buôn thiết bị, vật tư, phụ tùng máy khác;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là quản lý đầu tư xây dựng và vận hành các công trình điện.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.



3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI (Tiếp theo)**Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp**

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC ("Thông tư 89") sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ ngắn hạn, khoản phải thu dài hạn và đầu tư dài hạn khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho là chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính có thể phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 20
Máy móc, thiết bị	6 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 8
Thiết bị văn phòng	3 - 6

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất không có thời hạn được trình bày theo nguyên giá và không tính khấu hao.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư vào các công ty khác mà Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua các khoản đầu tư dài hạn. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư dài hạn được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được trích lập cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản phí bảo hiểm cho khoản vay dài hạn từ nước ngoài, chi phí bảo trì bảo dưỡng và lãi vay thanh toán cho hợp đồng bảo trì bảo dưỡng máy móc thiết bị nhà máy điện, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong thời gian xây dựng Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Các khoản phí bảo hiểm và chi phí bảo trì, bảo dưỡng được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian của hợp đồng vay và hợp đồng bảo trì dài hạn đã ký kết.

Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong thời gian xây dựng Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2. Các khoản lỗ này được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm với thời gian phân bổ không quá 5 năm kể từ ngày Nhà máy chính thức vận hành thương mại.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng hai đến ba năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng ngay sau khi sản lượng điện sản xuất phát lên lưới điện quốc gia có sự xác nhận hàng tháng của Công ty Mua bán điện (EPTC) theo giá bán điện tạm tính được thống nhất giữa hai bên. Các khoản chênh lệch phát sinh do điều chỉnh giá bán điện liên quan đến doanh thu đã được ghi nhận cho từng giai đoạn hoạt động sẽ được ghi nhận vào kỳ kế toán hiện hành khi mà giá trị cần điều chỉnh được thống nhất giữa hai bên.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ**Trong giai đoạn xây dựng cơ bản Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2:**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi ngoại tệ các tài khoản này, bao gồm chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại, được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu” trên bảng cân đối kế toán. Khi công trình xây dựng Nhà máy hoàn thành, toàn bộ chênh lệch tỷ giá phát sinh thực tế lũy kế đã được ghi nhận không tính vào nguyên giá của tài sản cố định mà phân bổ vào thu nhập tài chính hay chi phí tài chính và thời gian phân bổ không quá 5 năm kể từ ngày Nhà máy chính thức vận hành thương mại.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Ngoại tệ (Tiếp theo)****Sau khi Công ty vận hành thương mại Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2:**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”, Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp và Công văn số 417/DKVN-TCKT ngày 16 tháng 1 năm 2013 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam áp dụng cho các Công ty trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Tuy nhiên, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam vẫn chưa nhận được Công văn chấp thuận của Bộ Tài chính liên quan đến việc sử dụng tỷ giá nêu trên để đánh giá số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) công bố tại ngày này thay vì tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Ban Giám đốc Công ty quyết định dùng tỷ giá mua vào do Vietcombank công bố tại ngày kết thúc niên độ kế toán để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán dựa vào tình hình thực tế của Công ty là phải ngoại tệ từ các ngân hàng thương mại trong nước và không có sự chênh lệch đáng kể nào khi so sánh tỷ giá mua vào của Vietcombank và tỷ giá mua vào của các ngân hàng thương mại trong nước tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế (Tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	29.366.883	127.081.791
Tiền gửi ngân hàng	57.217.308.004	51.591.536.641
	<u>57.246.674.887</u>	<u>51.718.618.432</u>

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Đầu tư ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng đồng Việt Nam tại các ngân hàng và tổ chức tài chính với thời hạn dưới 3 tháng và hưởng mức lãi suất từ 6,5% đến 7,5%/năm. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này sẽ được gia hạn hàng tháng theo như yêu cầu của Công ty. Đối với hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng với Techcombank – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh, theo như thỏa thuận làm tài sản đảm bảo cho khoản vay trung hạn có hạn mức 10 triệu EUR, sẽ được tự động gia hạn 3 tháng một lần đến khi hợp đồng vay nêu trên được đáo hạn. Theo đó, thời hạn thực tế của các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên thường lớn hơn 3 tháng và Ban Giám đốc Công ty quyết định trình bày số liệu này là khoản đầu tư ngắn hạn tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC VÀ DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền bán điện cho Công ty Mua bán điện (EPTC)	1.412.705.884.994	1.259.562.317.180
Lãi trả chậm dự thu Công ty Mua bán điện (EPTC)	42.153.554.457	42.153.554.457
Phải thu khác từ Tổng Công ty Khí Việt Nam	3.105.703.728	30.412.409.888
Lãi dự thu	647.180.309	3.594.285.403
Khác	30.000.000	63.517.152
	<u>1.458.642.323.488</u>	<u>1.335.786.084.080</u>

Các khoản phải thu khác chủ yếu là khoản tiền điện phải thu Công ty Mua bán điện (EPTC) tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2013 chưa xuất hóa đơn được xác định theo quy định của hợp đồng bán điện số 07/2012/HĐ-NMĐ ký ngày 6 tháng 7 năm 2012 giữa Công ty Mua Bán Điện (EPTC) và Công ty cổ phần Điện Lực Dầu Khí Nhơn Trạch 2. Khoản tiền bán điện này bao gồm doanh thu bán điện tạm tính là 1.284 tỷ đồng và thuế giá trị gia tăng là 128,4 tỷ đồng.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập theo quy định của Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành bởi Bộ Tài Chính vào ngày 7 tháng 12 năm 2009 trên tổng số tiền lãi trả chậm dự thu từ Công ty Mua bán điện (EPTC) nhưng đã quá hạn thanh toán tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. HÀNG TỒN KHO

Giá trị hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và 31 tháng 12 năm 2012 thể hiện giá trị dầu DO được nhập kho phục vụ cho hoạt động sản xuất điện và các vật tư tiêu hao, vật tư dự phòng phục vụ quá trình vận hành thương mại, bảo dưỡng Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2.

9. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

Số dư phải thu dài hạn khác thể hiện chi phí đền bù giải phóng mặt bằng sẽ được trừ vào tiền thuê đất phải trả Nhà nước trong tương lai theo quy định của Luật đất đai. Khoản phải thu dài hạn này được phân loại từ nguyên giá tài sản cố định hữu hình sang các khoản phải thu khác theo Quyết định số 35/QĐ-CPNT2 ngày 23 tháng 5 năm 2011 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2013	2.902.604.609.924	8.332.385.291.068	28.541.874.257	6.178.471.662	11.269.710.246.911
Tăng trong năm	-	1.739.310.000	-	1.790.575.593	3.529.885.593
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	31.682.045.026	-	-	-	31.682.045.026
Điều chỉnh theo Quyết định số 21/QĐ – CPNT2	37.221.390.175	(46.378.941.649)	164.726.423	-	(8.992.825.051)
Điều chỉnh theo Thông tư 45/2013/TT-BTC	-	-	-	(2.168.476.618)	(2.168.476.618)
Giảm do thanh lý	-	-	-	(117.427.200)	(117.427.200)
Tại ngày 31/12/2013	<u>2.971.508.045.125</u>	<u>8.287.745.659.419</u>	<u>28.706.600.680</u>	<u>5.683.143.437</u>	<u>11.293.643.448.661</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2013	207.863.569.723	980.669.285.392	8.016.048.940	1.808.736.244	1.198.357.640.299
Khấu hao trong năm	125.646.000.506	852.273.919.136	3.562.363.684	889.130.097	982.371.413.423
Điều chỉnh theo Quyết định số 21/QĐ – CPNT2	21.181.164.914	(21.229.406.204)	-	48.241.290	-
Điều chỉnh theo Thông tư 45/2013/TT-BTC	-	-	-	(1.061.299.370)	(1.061.299.370)
Giảm do thanh lý	-	-	-	(117.427.200)	(117.427.200)
Phân loại lại	(25.609.731.132)	25.609.731.132	-	-	-
Tại ngày 31/12/2013	<u>329.081.004.011</u>	<u>1.837.323.529.456</u>	<u>11.578.412.624</u>	<u>1.567.381.061</u>	<u>2.179.550.327.152</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2013	<u>2.642.427.041.114</u>	<u>6.450.422.129.963</u>	<u>17.128.188.056</u>	<u>4.115.762.376</u>	<u>9.114.093.121.509</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>2.694.741.040.201</u>	<u>7.351.716.005.676</u>	<u>20.525.825.317</u>	<u>4.369.735.418</u>	<u>10.071.352.606.612</u>

Ngày 15 tháng 5 năm 2013, Đại Hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 đã thông qua Quyết định số 21/QĐ – CPNT2 về việc phê duyệt giá trị quyết toán tài sản cố định hình thành từ vốn đầu tư của dự án Nhà máy điện Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2, giá trị tài sản được phê duyệt là 11.303.611.921.829 đồng (trong đó tài sản cố định hữu hình là 11.282.009.367.283 đồng và tài sản vô hình là 21.602.554.546 đồng). Vì vậy, nguyên giá và khấu hao của tài sản cố định đã được điều chỉnh theo quyết định này kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2013.

Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, nguyên giá tài sản cố định phải có giá trị từ 30.000.000 đồng trở lên. Đối với các tài sản cố định doanh nghiệp đang theo dõi, quản lý và trích khấu hao theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC nay không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định theo quy định của Thông tư này thì giá trị còn lại của các tài sản này được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, thời gian phân bổ không quá 3 năm kể từ ngày có hiệu lực thi hành của Thông tư này. Theo đó, giá trị còn lại của các tài sản cố định có nguyên giá dưới 30.000.000 đồng đã được điều chỉnh sang chi phí trả trước dài hạn và phân bổ trong vào chi phí vòng 3 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất lâu dài tại khu đất thuộc Chung cư CC1.2 - Đơn vị ở số 1 - Khu dân cư Phước An - Long Thọ, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai.

Như đã trình bày trong thuyết minh số 10, giá trị tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo Quyết định số 21/QĐ – CPNT2 vào ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Đại Hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 về việc phê duyệt giá trị quyết toán tài sản cố định hình thành từ vốn đầu tư của dự án Nhà máy điện Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2.

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	2013 <u>VND</u>	2012 <u>VND</u>
Tại ngày 01 tháng 01	48.036.196.787	85.957.458.521
Tăng	8.202.780.043	67.911.818.707
Chuyển sang nguyên giá tài sản cố định	(53.284.599.572)	(101.456.983.619)
Vật tư thu hồi	(1.221.988.008)	-
Giảm khác	-	(4.376.096.822)
Tại ngày 31 tháng 12	<u>1.732.389.250</u>	<u>48.036.196.787</u>

Số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm các tài sản cố định phải trải qua quá trình lắp đặt, chạy thử trước khi đưa vào sử dụng trong năm bao gồm hệ thống quản lý bảo trì, quản lý vật tư thiết bị tài sản nhà máy điện Nhơn Trạch 2 và phần mềm kế toán Sap Business One.

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Công ty đã góp 11.140.000.000 đồng, tương đương với 1.114.000 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu), chiếm 13,92% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao ("Sopewaco") tính đến 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Khoản dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được trích lập theo quy định của Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 ban hành bởi Bộ Tài Chính, cơ sở trích lập dự phòng là báo cáo tài chính chính thức của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Sopewaco do tại ngày lập báo cáo này Ban Giám đốc chưa thu thập được báo cáo tài chính chính thức cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 từ Sopewaco. Khoản lỗ lũy kế của Sopewaco đến ngày 30 tháng 9 năm 2013 là 146.301.057.800 đồng so với số vốn điều lệ của Công ty là 80.000.000.000 đồng. Do đó, Ban Giám đốc Công ty quyết định trích lập dự phòng toàn bộ cho khoản đầu tư dài hạn nêu trên tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2013 <u>VND</u>	2012 <u>VND</u>
Tại ngày 01 tháng 01	1.248.482.245.061	1.479.473.770.464
Tăng	1.872.367.535	4.063.871.756
Phân bổ vào chi phí trong năm	(223.693.630.096)	(232.052.038.474)
Giảm khác	-	(3.003.358.685)
Tại ngày 31 tháng 12	<u>1.026.660.982.500</u>	<u>1.248.482.245.061</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN (Tiếp theo)**

Chi tiết số dư của khoản chi phí trả trước dài hạn tại ngày kết thúc năm tài chính:

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phí bảo hiểm khoản vay tín dụng	502.948.512.913	565.354.905.418
Phí huy động, phí biến đổi		
và phí cố định hợp đồng bảo trì thiết bị	307.295.161.358	339.446.126.673
Chênh lệch tỉ giá hối đoái lũy kế	192.805.589.326	319.230.309.263
Lãi vay thanh toán cho hợp đồng		
bảo trì bảo dưỡng máy móc	13.009.375.462	14.370.355.163
Chi phí khác	10.602.343.441	10.080.548.544
	<u>1.026.660.982.500</u>	<u>1.248.482.245.061</u>

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm các chi phí:

Phí bảo hiểm khoản vay tín dụng: Theo hợp đồng vay tín dụng xuất khẩu ký ngày 22 tháng 7 năm 2010 và 23 tháng 7 năm 2010 giữa Công ty và các ngân hàng tài trợ do Citibank làm đại lý. Phí bảo hiểm khoản vay được phát hành bởi HERMES và NEXI bảo hiểm cho các bên cho vay trong toàn bộ thời hạn vay theo hợp đồng là 2,5 năm ân hạn và 9,5 năm trả nợ.

Phí huy động, phí biến đổi và phí cố định hợp đồng bảo trì thiết bị: Theo hợp đồng bảo trì thiết bị dài hạn số 68/2011/PVPOWER NT2 – PVPS giữa Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 và Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam cho công tác bảo trì máy móc thiết bị chính cho Nhà Máy Điện Nhơn Trạch 2 trong thời hạn 11,7 năm hoặc 200.000 giờ EOH. Phí huy động, phí cố định và phí biến đổi được thanh toán trước khi Nhà Máy Điện Nhơn Trạch 2 vận hành thương mại và được phân bổ vào kết quả kinh doanh trong năm theo số giờ EOH thực tế phát sinh.

Lãi vay thanh toán cho hợp đồng bảo trì bảo dưỡng máy móc: Các chi phí đi vay liên quan đến công tác thanh toán hợp đồng bảo trì thiết bị dài hạn số 68/2011/PVPOWER NT2 – PVPS giữa Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 và Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam. Chi phí đi vay phát sinh trước khi Nhà Máy Điện Nhơn Trạch 2 vận hành thương mại và không thuộc chi phí đầu tư dự án. Các khoản lãi vay này được phân bổ vào kết quả kinh doanh trong năm theo số giờ EOH thực tế phát sinh.

Chênh lệch tỉ giá hối đoái lũy kế phát sinh trong thời gian xây dựng Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 đến thời điểm cấp chứng chỉ PAC vào ngày 16 tháng 10 năm 2011 và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ ngày Công ty được cấp chứng chỉ PAC theo như Công văn số 721/CT-TTH ban hành ngày 1 tháng 3 năm 2012 bởi Cục Thuế tỉnh Đồng Nai.

15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

Số dư vay ngắn hạn thể hiện nợ dài hạn đến hạn trả cho các khoản vay dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 như trình bày theo thuyết minh số 19.

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	11.828.286.035	-
Thuế thu nhập cá nhân	198.907.401	304.962.479
Thuế tài nguyên	1.088.342.147	1.415.965.738
Khác	64.927.412	-
	<u>13.180.462.995</u>	<u>1.720.928.217</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu	600.398.949.132	720.137.024.205
Chi phí bảo trì	93.285.331.997	91.216.572.066
Lãi vay tạm trích	16.402.014.332	18.240.826.111
Khác	7.044.597.333	6.143.002.167
	<u>717.130.892.794</u>	<u>835.737.424.549</u>

Chi phí nguyên liệu là khoản công nợ phải trả cho nguyên liệu khí dùng trong quá trình vận hành Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 nhưng chưa nhận được hóa đơn từ nhà cung cấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012.

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi chậm thanh toán phải trả		
Tổng Công ty Khí Việt Nam	39.278.284.374	39.278.284.374
Thuế GTGT đầu ra tạm tính	128.427.807.727	114.505.665.198
Khác	1.440.336.083	557.662.669
	<u>169.146.428.184</u>	<u>154.341.612.241</u>

Thuế giá trị gia tăng đầu ra tạm trích căn cứ vào khoản doanh thu bán điện tạm tính và chưa xuất hóa đơn như đã nêu ở Thuyết minh số 7.

19. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay dài hạn	8.449.314.135.904	9.336.261.881.403
Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả	(1.137.995.154.732)	(1.167.641.326.901)
	<u>7.311.318.981.172</u>	<u>8.168.620.554.502</u>

Tại ngày 15 tháng 3 năm 2010, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank), Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh với hạn mức 10.000.000 Euro với thời hạn vay là 4 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Nợ gốc của khoản vay sẽ được thanh toán định kỳ hàng quý trong vòng 10 kỳ thanh toán. Lần trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 15 tháng 12 năm 2011. Lần trả nợ cuối cùng vào ngày 15 tháng 3 năm 2014. Khoản vay này dưới hình thức tín chấp và chịu lãi suất bằng lãi suất tiền gửi huy động 12 tháng của Techcombank Hồ Chí Minh tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) với lãi suất biên theo quy định của hợp đồng, lãi suất này được điều chỉnh 6 tháng 1 lần. Số dư nợ gốc của khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 830.158 Euro.

Vào ngày 22 tháng 7 năm 2010 và ngày 23 tháng 7 năm 2010 Công ty đã ký các hợp đồng vay với các ngân hàng tài trợ là HERMES, CIRR, NEXI và Citibank với Citibank là ngân hàng đầu mối với tổng hạn mức vay là 215.380.981 Đô la Mỹ và 202.585.883 Euro. Các khoản vay này được chính phủ Việt Nam bảo lãnh và được cấp bảo hiểm bởi HERMES và NEXI. Lãi suất được tính theo Euribor 6 tháng và Libor 6 tháng cộng cho các khoản lãi suất điều chỉnh. Nợ gốc và lãi vay được trả 6 tháng một lần trong đó thời gian trả nợ gốc là 9,5 năm được chia thành 19 kỳ trả nợ đều nhau với thời điểm trả nợ gốc đầu tiên là ngày 01 tháng 6 năm 2012. Tổng số dư nợ gốc của khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 lần lượt là 154.015.541 Euro và 168.575.863 Đô la Mỹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Vào ngày 20 tháng 01 năm 2011, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam (VietinBank) - Chi nhánh thành phố Hà Nội với hạn mức 200 tỷ đồng với thời hạn vay là 144 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Nợ gốc của các khoản vay sẽ được thanh toán định kỳ 6 tháng một lần, trong vòng 22 kỳ, nhưng không quá ngày 24 tháng 01 năm 2023. Lần trả nợ gốc đầu tiên của các khoản vay nêu trên vào ngày 25 tháng 6 năm 2012. Các khoản vay này dưới hình thức tín chấp và chịu lãi suất bằng lãi suất tiền gửi huy động 12 tháng của Vietinbank tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) với lãi suất biên theo quy định của hợp đồng và các lãi suất này được điều chỉnh 6 tháng 1 lần. Số dư nợ gốc của các khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 163.619.754.337 đồng.

Trong năm 2013, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VP Bank), Chi nhánh Hà Nội với hạn mức 286.467.044.714 đồng với thời hạn vay được tính từ ngày giải ngân đầu tiên đến ngày 25 tháng 12 năm 2022, trong đó thời gian giải ngân chậm nhất đến ngày 30 tháng 6 năm 2013. Nợ gốc của khoản vay sẽ được thanh toán định kỳ 6 tháng một lần, trong vòng 20 kỳ. Khoản vay này không có đảm bảo bằng tài sản và chịu lãi suất thả nổi. Số dư nợ gốc của khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 257.820.340.242 đồng.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	1.137.995.154.732	1.167.641.326.901
Trong năm thứ hai	1.114.012.067.652	1.099.476.620.524
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	3.342.036.357.651	3.230.263.261.649
Sau năm năm	2.855.270.555.869	3.838.880.672.329
	8.449.314.135.904	9.336.261.881.403
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	<u>(1.137.995.154.732)</u>	<u>(1.167.641.326.901)</u>
Số phải trả sau 12 tháng	<u>7.311.318.981.172</u>	<u>8.168.620.554.502</u>

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tại ngày 31/12/2013 và ngày 31/12/2012
Số cổ phần VND

Cổ phần được phép phát hành	256.000.000	2.560.000.000.000
Cổ phần đã phát hành và góp vốn đủ	256.000.000	2.560.000.000.000

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng lợi tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết các cổ đông tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Vốn đã góp			
	31/12/2013		31/12/2012	
	<u>VND</u>	<u>%</u>	<u>%</u>	<u>%</u>
Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam	1.607.661.500.000	62,8%	1.607.661.500.000	62,8%
Công ty TNHH Phát Triển Công Nghệ	-	-	256.000.000.000	10,0%
Tập đoàn Bưu Chính Viễn Thông Việt Nam	128.000.000.000	5,0%	128.000.000.000	5,0%
Tổng Công ty Điện lực -Vinacomin	128.000.000.000	5,0%	128.000.000.000	5,0%
Công ty ElectricPower Development (J-Power - Nhật Bản)	128.000.000.000	5,0%	128.000.000.000	5,0%
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	64.000.000.000	2,5%	64.000.000.000	2,5%
Tập đoàn Điện Lực Việt Nam	64.000.000.000	2,5%	64.000.000.000	2,5%
Các cổ đông khác	440.338.500.000	17,2%	184.338.500.000	7,2%
	2.560.000.000.000	100%	2.560.000.000.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

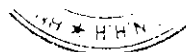
Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong năm như sau:**

	Vốn điều lệ VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ Đầu tư Phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 01/01/2012	2.560.000.000.000	163.455.502.290	19.512.572.631	34.267.331.142	2.777.235.406.063
Phân phối từ lợi nhuận	-	-	543.197.367	(3.010.428.067)	(2.467.230.700)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	7.682.238.140	7.682.238.140
Số dư tại ngày 31/12/2012	2.560.000.000.000	163.455.502.290	20.055.769.998	38.939.141.215	2.782.450.413.503
Phân phối từ lợi nhuận	-	5.781.878.846	384.111.907	(9.159.964.444)	(2.993.973.691)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	8.219.216.904	8.219.216.904
Số dư tại ngày 31/12/2013	2.560.000.000.000	169.237.381.136	20.439.881.905	37.998.393.675	2.787.675.656.716

Trong năm, Công ty đã trích lập Quỹ Đầu tư Phát triển với số tiền là 384.111.907 đồng (năm 2012: 543.197.367 đồng), Quỹ Khen thưởng Phúc lợi với số tiền là 2.993.973.691 đồng (năm 2012: 2.467.230.700 đồng) và bổ sung nguồn vốn khác của chủ sở hữu với số tiền là 5.781.878.846 đồng (năm 2012: 0 đồng) theo Nghị quyết số 04/NQ-CPNT2 của Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2013 ngày 10 tháng 5 năm 2013.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và bán điện trong nội địa. Hoạt động sản xuất kinh doanh khác của Công ty chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty trong kỳ cũng như các niên độ kế toán trước. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 cũng như toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và các niên độ kế toán trước đều liên quan đến hoạt động kinh doanh chính. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

22. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG

Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam vẫn chưa có thỏa thuận chính thức cho giá bán điện từ ngày 01 tháng 5 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013. Doanh thu bán điện từ ngày 01 tháng 5 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 và của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 được ghi nhận trên cơ sở giá tạm tính theo hợp đồng số 07/2012/HĐ-NMĐ NT2 được ký vào ngày 02 tháng 5 năm 2012 với Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Doanh thu bán điện phát sinh thêm trong giai đoạn vận hành thương mại từ ngày 16 tháng 11 năm 2011 đến ngày 30 tháng 4 năm 2012 đã được Công ty ghi nhận vào doanh thu của năm 2013 sau khi Công ty và Công ty Mua Bán Điện (EPTC) đã thống nhất giá bán điện trong giai đoạn này.

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2013 VND	2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.596.410.524.600	3.362.399.579.773
Chi phí nhân công	57.422.599.160	54.447.514.186
Chi phí khấu hao tài sản cố định	982.366.934.534	977.683.863.077
Chi phí dịch vụ mua ngoài	480.035.945.388	455.230.363.871
Chi phí khác bằng tiền	24.063.115.996	24.512.922.627
	5.140.299.119.678	4.874.274.243.534

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2013 VND	2012 VND
Lãi tiền gửi	52.961.657.839	87.169.525.846
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8.027.036	8.255.867.439
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
	52.969.684.875	95.425.393.285

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2013 VND	2012 VND
Lãi tiền vay	266.407.208.913	353.639.672.404
Phân bổ lỗ chênh lệch tỷ giá trong quá trình xây dựng cơ bản	126.424.719.937	135.102.477.615
Phí bảo hiểm khoản vay	62.406.392.505	60.393.283.080
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	280.693.405.522	56.423.252.789
Phí bảo lãnh chính phủ cho khoản vay	22.765.155.566	26.461.388.888
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	11.140.000.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	23.163.264.621	7.999.099.241
Khác	4.719.135.537	7.210.757.795
	786.579.282.601	658.369.931.812

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	2013			2012
	Hoạt động chính <u>VND</u>	Hoạt động khác <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
Lợi nhuận trước thuế	133.513.658.973	(125.294.442.069)	8.219.216.904	7.682.238.140
Cộng: Các chi phí không được khấu trừ	156.000.000	-	156.000.000	401.439.416
Trừ: Các khoản thu nhập không chịu thuế	(156.120)	-	(156.120)	-
Thu nhập chịu thuế	133.669.502.853	(125.294.442.069)	8.375.060.784	8.083.677.556
Khấu trừ lỗ từ hoạt động chính	(125.294.442.069)	125.294.442.069	-	-
Thu nhập chịu thuế	8.375.060.784	-	8.375.060.784	8.083.677.556
Thuế suất	0%	25%	0%	0%
Chi phí thuế hiện hành	-	-	-	-

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 10% tính trên thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất và kinh doanh điện năng trong 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu và 25% cho những năm tiếp theo.

Công ty được miễn thuế 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo. Đây là năm thứ hai Công ty có thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng và là năm thứ ba được miễn thuế (năm đầu tiên là năm 2011).

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập từ các hoạt động khác theo Thông tư số 123/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 7 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận sau thuế	8.219.216.904	7.682.238.140
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.219.216.904	7.682.238.140
Số bình quân gia quyền của cổ phần phổ thông	256.000.000	256.000.000
Lãi cơ bản trên cphiếu	<u>32</u>	<u>30</u>

28. CAM KẾT BÁN HÀNG

Công ty đã ký kết với Công ty Mua bán điện (EPTC) hợp đồng bán điện số 07/2012/HĐ-NMD vào ngày 06 tháng 7 năm 2012. Theo đó, toàn bộ sản lượng điện sản xuất theo lệnh điều động của Cục Điều tiết Điện lực sẽ được bao tiêu bởi Công ty Mua bán điện (EPTC) trong thời hạn là 10 năm kể từ ngày Nhà máy điện Nhơn Trạch chính thức vận hành thương mại vào ngày 16 tháng 10 năm 2011.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 15 và 19 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, vốn khác của chủ sở hữu, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	8.449.314.135.904	9.336.261.881.403
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(57.246.674.887)	(51.718.618.432)
Nợ thuần	8.392.067.461.017	9.284.543.262.971
Vốn chủ sở hữu	2.787.675.656.716	2.782.450.413.503
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>3,01</u>	<u>3,34</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản tài chính		
Tiền	57.246.674.887	51.718.618.432
Đầu tư ngắn hạn	246.461.181.788	494.830.189.800
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.434.736.933.554	1.326.002.775.230
Ký quỹ ngắn hạn	10.000.000	10.000.000
Phải thu dài hạn khác	38.782.753.000	38.782.753.000
Tổng cộng	<u>1.777.237.543.229</u>	<u>1.911.344.336.462</u>
Công nợ tài chính		
Vay ngắn hạn	1.137.995.154.732	1.167.641.326.901
Phải trả người bán và phải trả khác	196.183.836.907	509.300.303.030
Chi phí phải trả	717.130.892.794	835.737.424.549
Vay dài hạn	7.311.318.981.172	8.168.620.554.502
Tổng cộng	<u>9.362.628.865.605</u>	<u>10.681.299.608.982</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2013	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	9.020.373	66.745.741	3.554.422.072.408	3.982.916.607.965
Euro (EUR)	1.148.368	5.619.530	4.473.451.968.917	4.902.166.840.838

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ và Euro.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 3% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 3% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 3% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 3% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng các khoản tương ứng như sau:

	2013	2012
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	106.632.391.561	119.485.495.867
Euro (EUR)	134.203.524.616	147.064.836.639
Tổng cộng	240.835.916.177	266.550.332.506

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)*****Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu do bán điện cho Tập đoàn Điện lực Việt nam phát sinh trong năm 2013. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 30.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tại ngày 31/12/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tiền	57.246.674.887	-	-	57.246.674.887
Đầu tư ngắn hạn	246.461.181.788	-	-	246.461.181.788
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.434.736.933.554	-	-	1.434.736.933.554
Ký quỹ ngắn hạn	10.000.000	-	-	10.000.000
Phải thu dài hạn khác	-	-	38.782.753.000	38.782.753.000
Tổng cộng	1.738.454.790.229	-	38.782.753.000	1.777.237.543.229
Tại ngày 31/12/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Vay ngắn hạn	1.137.995.154.732	-	-	1.137.995.154.732
Phải trả người bán và phải trả khác	196.183.836.907	-	-	196.183.836.907
Chi phí phải trả	717.130.892.794	-	-	717.130.892.794
Vay dài hạn	-	4.456.048.425.303	2.855.270.555.869	7.311.318.981.172
Tổng cộng	2.051.309.884.433	4.456.048.425.303	2.855.270.555.869	9.362.628.865.605
Chênh lệch thanh khoản thuần	(312.855.094.204)	(4.456.048.425.303)	(2.816.487.802.869)	(7.585.391.322.376)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2013 VND	2012 VND
Doanh thu bán điện		
Công ty Mua bán điện (EPTC) - EVN	<u>5.880.997.656.440</u>	<u>5.450.714.689.686</u>
Mua hàng		
Tổng Công ty Khí Việt Nam	3.651.959.348.016	3.183.811.858.533
Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN	370.858.285.230	357.036.996.828
Ban điều hành các dự án của PVC tại phía nam	6.103.617.879	55.938.686.549
TCT Bảo hiểm PVI	47.997.772.472	35.779.959.520
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	9.722.679.400	5.505.803.124
Công ty điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	3.470.338.296	4.069.167.580
Công ty Cổ phần Phân bón & Hóa chất		
Đông Nam Bộ	1.984.140.000	3.219.300.000
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOIL	641.755.692	2.042.651.588
Chi nhánh Viện Dầu Khí Việt Nam – Trung tâm		
Nghiên cứu & Phát triển an toàn & Môi trường Dầu khí	-	1.709.138.953
Công ty Cổ phần tư vấn Quản lý dự án Điện lực Dầu khí	73.854.047	1.944.175.918
Tập Đoàn Dầu khí Việt Nam	76.822.381	452.563.841
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	910.731.471	832.013.235
TCT Công nghệ Năng lượng Dầu khí	<u>805.588.654</u>	<u>-</u>
Thu nhập tài chính		
Lãi tiền gửi từ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	<u>15.060.567.769</u>	<u>12.822.920.530</u>
Thu nhập của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Trưởng Ban Kiểm soát được hưởng trong năm như sau:		
	2013 VND	2012 VND
Lương và các khoản phúc lợi khác	<u>5.378.790.311</u>	<u>4.568.741.877</u>
Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:		
	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Trả trước nhà cung cấp		
Ban điều hành các dự án của PVC tại phía nam	-	5.502.144.615
Công ty Cổ phần Phân bón & Hóa chất		
Đông Nam Bộ	-	712.188.000
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOIL	-	323.278.068
Công ty Cổ phần dịch vụ kỹ thuật điện lực Dầu khí VN	<u>12.582.927.176</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)****Phải thu khác**

Công ty Mua bán điện (EPTC) - EVN	1.454.859.439.451	1.301.715.871.637
Lãi dự thu từ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	253.194.444	1.067.361.111

Phải trả thương mại

Tổng Công ty khí Việt Nam	3.522.534.613	335.694.672.382
Cổ phần dịch vụ kỹ thuật điện lực Dầu khí Việt Nam	15.385.139.390	6.559.571.059
Ban điều hành các dự án của PVC tại phía nam	454.403.426	4.572.620.777
Công ty Cổ phần Địa ốc Dầu khí	1.140.250.000	1.140.250.000
Chi nhánh Viện Dầu Khí Việt Nam – Trung tâm		
Nghiên cứu & Phát triển an toàn & Môi trường Dầu khí	507.412.881	792.644.101
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	-	716.556.529
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	-	517.000.000
Công ty Cổ phần Phân bón & Hóa chất		
Đồng Nam Bộ	-	390.258.000
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOIL	-	371.662.300
Công ty điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	67.368.105	67.640.265

Phải trả khác

Tổng Công ty khí Việt Nam	39.278.284.374	39.278.284.374
---------------------------	----------------	----------------

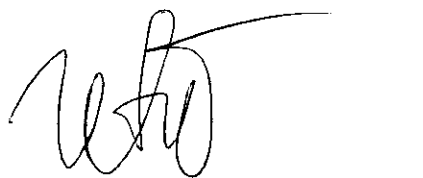
Đầu tư tài chính

Tiền gửi có kỳ hạn tại NH TMCP Đại Chúng Việt Nam	95.000.000.000	125.000.000.000
---	----------------	-----------------

31. TRÌNH BÀY LẠI SỐ LIỆU NĂM TRƯỚC

Trong năm, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định trình bày lại tài khoản chi phí trích trước và các khoản phải trả khác trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 để chỉnh sửa lại các sai sót được phát hiện trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm trước. Các số liệu so sánh dưới đây đã được điều chỉnh trên bảng cân đối kế toán để phù hợp với trình bày báo cáo tài chính năm hiện hành:

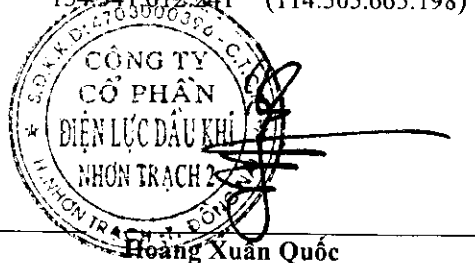
Chỉ tiêu	Mã số	Trình bày năm trước VND	Trình bày lại VND	Chênh lệch VND
Bảng cân đối kế toán				
Chi phí phải trả	316	950.243.089.747	835.737.424.549	114.505.665.198
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	39.835.947.043	154.341.612.241	(114.505.665.198)



Lê Văn Tú
Người lập biểu



Nguyễn Hữu Minh
Kế toán trưởng



Hoàng Xuân Quốc
Giám đốc

Ngày 17 tháng 02 năm 2014

Số: 14 /TTr-CPNT2

Nhon Trach, ngày 14 tháng 02 năm 2014

TỜ TRÌNH

NỘI BỘ (V/v: Phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2013)

Kính gửi: Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

1. Căn cứ pháp lý

- Căn cứ vào điều lệ sửa đổi bổ sung của Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Điện Lực Dầu Khí Nhơn Trạch 2 thông qua ngày 22 tháng 4 năm 2011;
- Căn cứ vào qui chế tài chính của Công ty cổ phần điện lực dầu khí Nhơn Trạch 2 được ban hành tại quyết định số 14/QĐ-CPNT2-HĐQT ngày 26 tháng 4 năm 2013;
- Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013 tại báo cáo tài chính đã được kiểm toán ngày 17 tháng 02 năm 2014;
- Căn cứ vào nghị quyết cuộc họp HĐQT ngày 27 tháng 03 năm 2014 số 01/NQ-CPNT2-HĐQT

2. Kết quả đạt được trong năm 2013

2.1 Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2013

1. Doanh thu thuần về bán hàng	5.880.997.656.440
2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(5.074.176.004.874)
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng	806.821.651.566
4. Doanh thu hoạt động tài chính	52.969.684.875
5. Chi phí tài chính	(786.579.282.601)
6. Chi phí bán hàng	(306.283.406)
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	(65.816.831.398)
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	7.088.939.036
9. Thu nhập khác	1.336.333.839
10. Chi phí khác	(206.055.971)
11. Lợi nhuận khác	1.130.277.868
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.219.216.904
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.219.216.904

000000

2.2 Các thành tích đạt được trong năm 2013.

Năm 2013 được xem là năm có điều kiện thủy văn thuận lợi cho việc huy động các nhà máy thủy điện dẫn đến việc ảnh hưởng sản lượng huy động của các nhà máy nhiệt điện trong đó có nhà máy điện Nhơn Trạch 2. Bên cạnh đó trong năm 2013 Công ty phải trả nợ gốc và lãi vay cho các tổ chức nước ngoài với số tiền lên đến 1.200 tỷ đồng; chi phí mua sắm vật tư dự phòng cao; Giá bán điện tạm tính chưa đủ bù đắp hết các chi phí (chưa ký kết được Hợp đồng PPA chính thức).

- Tất cả những yếu tố khách quan nêu trên ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động SXKD của Công ty. Tuy nhiên, được sự quan tâm chỉ đạo của PVN/PV Power cùng với sự nỗ lực không mệt mỏi của Ban lãnh đạo và toàn thể CBCNV, Công ty đã từng bước hoàn thiện bộ máy điều hành phù hợp với công tác SXKD, hoàn thành vượt kế hoạch sản lượng điện, về đích trước 40 ngày đảm bảo an toàn tuyệt đối (đạt sản lượng điện kế hoạch 4.156 Tr.KWh vào ngày 22/11/2013). Đến ngày 31/12/2013 sản lượng điện thực hiện là 4.670 Tr.Kwh đạt 112% so với kế hoạch năm 2013, tổng doanh thu 5.935.304 Tr.đồng đạt 114%, nộp ngân sách nhà nước 168.400 Tr.đồng đạt 101%, lợi nhuận sau thuế đạt 8.219 Tr.đồng đạt 124% so với kế hoạch năm 2013.

3. Nội dung đề trình

Với những kết quả đạt được như trên và đề động viên và khuyến khích tinh thần làm việc của tập thể CBCNV, chăm lo đời sống CBCNV cũng như thực hiện các chương trình công tác an sinh xã hội, công tác từ thiện, tham gia công tác xóa đói giảm nghèo, hỗ trợ địa phương. Công ty xin kính trình HĐQT Công ty xem xét phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2013 như sau:

Nội dung	Số tiền	Ghi chú
1. Lợi nhuận trước thuế	8.219.216.904	
2. Nộp thuế TNDN	-	
3. Trừ các khoản tiền phạt		
4. Lợi nhuận sau thuế	8.219.216.904	
5. Tổng số lợi nhuận trích lập các quỹ	4.366.093.349	(5 = 5.1+5.2+5.3+5.4)
5.1 Quỹ dự phòng tài chính		
5.2 Quỹ đầu tư phát triển	410.960.845	5% lợi nhuận trước thuế
5.3 Quỹ thưởng Ban điều hành		

5.4 Quĩ khen thưởng phúc lợi	3.955.132.504	Tương đương 02 tháng lương thực hiện
6. Lợi nhuận sau thuế năm 2013 để lại	3.853.123.555	(6=4-5).
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến năm 2013	29.779.176.771	
8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến hết năm 2013	33.632.300.326	(8=6+7).

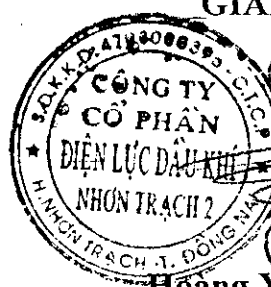
Trân trọng.

Nơi nhận:

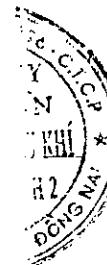
- Như trên;
- Lưu VT, TCKT.

[Handwritten signature]

GIÁM ĐỐC



Hoàng Xuân Quốc



Số: 10 /CPNT2-TCKT

Nhon Trach, ngày 26 tháng 02 năm 2014

NỘI BỘ

TỜ TRÌNH

(V/v: Lựa chọn danh sách đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2014 và Báo cáo tài chính năm 2014)

Kính gửi: Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

I. Căn cứ pháp lý

- Căn cứ Luật kế toán có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2004, các chuẩn mực kế toán Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Điện lực dầu khí Nhơn Trạch 2 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 15/06/2007 và các lần sửa đổi bổ sung;
- Căn cứ thông tư 09/2010/TT-BTC về việc tổ chức niêm yết phải lập và công bố thông tin về báo cáo tài chính bán niên (6 tháng đầu năm) đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày kết thúc quý II hàng năm.

II. Nội dung đề trình

Trên cơ sở danh sách các Công ty kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước công bố. Công ty kính trình Hội Đồng Quản Trị Công Ty phê duyệt lựa chọn danh sách các đơn vị kiểm toán để phát hành thư mời chào giá cạnh tranh thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2014 và Báo cáo tài chính năm 2014 gồm các Công ty như sau:

1. Công ty Ernst & Young Việt Nam
2. Công ty TNHH Price Waterhouse Coopers Việt Nam
3. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
4. Công ty TNHH KPMG Việt Nam
5. Công ty TNHH Kiểm Toán VACO.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên
- HĐQT, BKS công ty
- Lưu văn thư, TCKT.

